

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Đào Thị Minh Nguyệt**

**Giảng viên hướng dẫn: TS. Nghiêm Thị Thà**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 319 – XÍ  
NGHIỆP 359**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Đào Thị Minh Nguyệt**

**Giảng viên hướng dẫn: TS. Nghiêm Thị Thà**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: DAAOF Thị Minh Nguyệt

Mã SV: 110164

Lớp: QT1101K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh  
tại chi nhánh công ty TNHH một thành viên 319- Xí nghiệp 359

# LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Thế giới WTO, điều này mở ra rất nhiều cơ hội mới cho nền kinh tế Việt Nam nhưng cũng không ít thách thức mới đối với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Các doanh nghiệp đứng trước hai khả năng hoặc là phá sản hoặc là phát triển bền vững. Bởi vậy, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều phần hành kế toán quan trọng, trong đó tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một phần hành kế toán cơ bản. Bởi nó phản ánh doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp như thế nào? Chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao? Trong mỗi kỳ, chi phí kinh doanh như thế nào, kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: “ Hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH một thành viên 319- Xí nghiệp 359” cho khoá luận của mình.

Nội dung của khoá luận được trình bày trong 3 chương:

**CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

**CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 319- XÍ NGHIỆP 359.**

**CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY.**

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về công ty còn hạn chế nên khoá luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong được sự góp ý của các thầy, cô giáo và các anh, chị kế toán của công ty nhằm giúp khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

Sinh viên

**Đào Thị Minh Nguyệt**

## **CHƯƠNG 1**

### **LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.**

##### ***1.1.1. Doanh thu***

##### ***1.1.1.1. Khái niệm***

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như : Bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

##### ***1.1.1.2. Phân loại doanh thu trong doanh nghiệp***

Tùy theo từng loại hình sản xuất kinh doanh có các loại doanh thu sau:

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ phí và phí thu thêm ngoài giá bán ( nếu có).

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc chịu VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán ( giá bán có VAT).

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán ( giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính.

Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lí và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp như vốn góp liên doanh, đầu tư chứng khoán...

Mọi khoản thu nhập đều liên quan đến hoạt động đầu tư về vốn hoặc kinh doanh về vốn tạo thành chỉ tiêu doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ, lãi cho thuê tài chính...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản.
- Thu nhập từ đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn.

.....

❖ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Ngoài ra còn các khoản thu nhập khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- + Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại;
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu;
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân cho doanh nghiệp;
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

### ***1.1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu.***

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.
- Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại ...
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...
- Thuế xuất khẩu: Là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.
- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp : Là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

### **1.1.2. Chi phí**

#### ***1.1.2.1. Khái niệm chi phí:***

Chi phí là phí tổn tài nguyên, vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh, được tài trợ bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ.

Chi phí là yếu tố để tạo ra doanh thu, nó được đối trừ với doanh thu để xác định kết quả kinh doanh, do đó cũng như doanh thu nó được trình bày theo tính chất của các hoạt động mà nó được phát sinh ra từ hoạt động đó.

Chi phí trong doanh nghiệp được phản ánh là chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, phản ánh giá trị hàng hoá, vật tư mua vào, trị giá vốn



của sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ bán ra; phản ánh chi phí tài chính; phản ánh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc các ngành và các thành phần kinh tế.

Chi phí có vai trò quan trọng trong các doanh nghiệp vì chi phí là các khoản mà công ty phải chi trả cho các hoạt động tài chính. Nếu công ty biết cách chi tiêu hợp lý sẽ mang lại nhiều lợi ích cho công ty, giúp công ty thu được lợi nhuận cao nhất.

#### **1.1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh.**

❖ Phân loại theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí bao gồm:

- Chi phí vật tư
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác.

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí và xu hướng thay đổi của từng yếu tố chi phí sản xuất.

❖ Phân loại theo mục đích, công dụng của chi phí bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Cách phân loại này nhằm phục vụ công tác quản lý chi phí sản xuất chung theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành theo khoản mục, là căn cứ lập định mức chi phí, kế hoạch giá thành sản phẩm kì sau.

❖ Phân loại theo phương pháp tập hợp chi phí.

- Chi phí trực tiếp
- Chi phí gián tiếp

Cách phân loại này giúp kế toán xác định phương pháp tập hợp chi phí vào các đối tượng, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

### **1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.**

#### **1.1.3.1. Khái niệm, ý nghĩa, mục đích xác định kết quả kinh doanh.**

❖ *Khái niệm, mục đích xác định kết quả kinh doanh:*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

Lợi nhuận khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Mục đích của việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là để đánh giá về kết quả kinh doanh có thể là lãi hoặc lỗ, về hiệu quả quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Từ kết quả đó sẽ được phân phối, sử dụng theo những mục đích nhất định theo quy định của cơ chế tài chính như: Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, chia lãi cho các bên liên doanh, chia cổ tức cho các cổ đông, để lại cho doanh nghiệp để hình thành các quỹ và bổ sung nguồn vốn.

❖ *Ý nghĩa và vai trò của việc xác định kết quả kinh doanh:*

Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định doanh thu và chi phí trong kỳ của doanh nghiệp nói riêng. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Kế toán doanh thu, chi phí luôn gắn liền với việc xác định kết quả kinh doanh. Kết quả kinh doanh ngoài việc là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình

kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước mà còn là số liệu thông tin cho các nhà đầu tư, ngân hàng, các đối tượng liên quan xem xét có nên đầu tư nữa hay không. Do vậy, với bất kỳ một doanh nghiệp nào, các công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn luôn đóng vai trò quan trọng, nó có tính chất sống còn đối với các doanh nghiệp.

#### **1.1.3.2. Những yếu tố để xác định kết quả kinh doanh.**

Sau một kỳ kế toán, cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ. Kết quả kinh doanh được tập hợp từ các doanh thu và các chi phí, bao gồm:

- Các loại doanh thu như: Doanh thu hoạt động sản xuất chính, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Các chi phí như: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác.

Cuối kỳ kế toán, các doanh thu và chi phí trên được tập hợp lại và kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

Cùng với việc hạch toán doanh thu, chi phí thì xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

#### **1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.
- Phản ánh tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.
- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến công tác quản lý chi phí, doanh thu để cung cấp thông tin cho các nhà quản lý.

## **1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả KD tại doanh nghiệp.**

### **1.2.1. Kế toán doanh thu.**

#### **1.2.1.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu.**

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu phải tuân thủ nguyên tắc ghi nhận một khoản chi phí tương đương có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ, chuẩn mực cũng quy định: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các nghiệp vụ giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động SXKD. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

### **1.2.1.2. Hạch toán kế toán chi tiết doanh thu đối với các hoạt động.**

#### **➤ Chứng từ kế toán sử dụng:**

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường- Mẫu số 02/GTKT- 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01/GTGT- 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 14- BH)
- Thẻ quầy hàng (Mẫu số 15- BH)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)
- Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 07A/GTGT)
- Chứng từ kế toán khác có liên quan như: Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

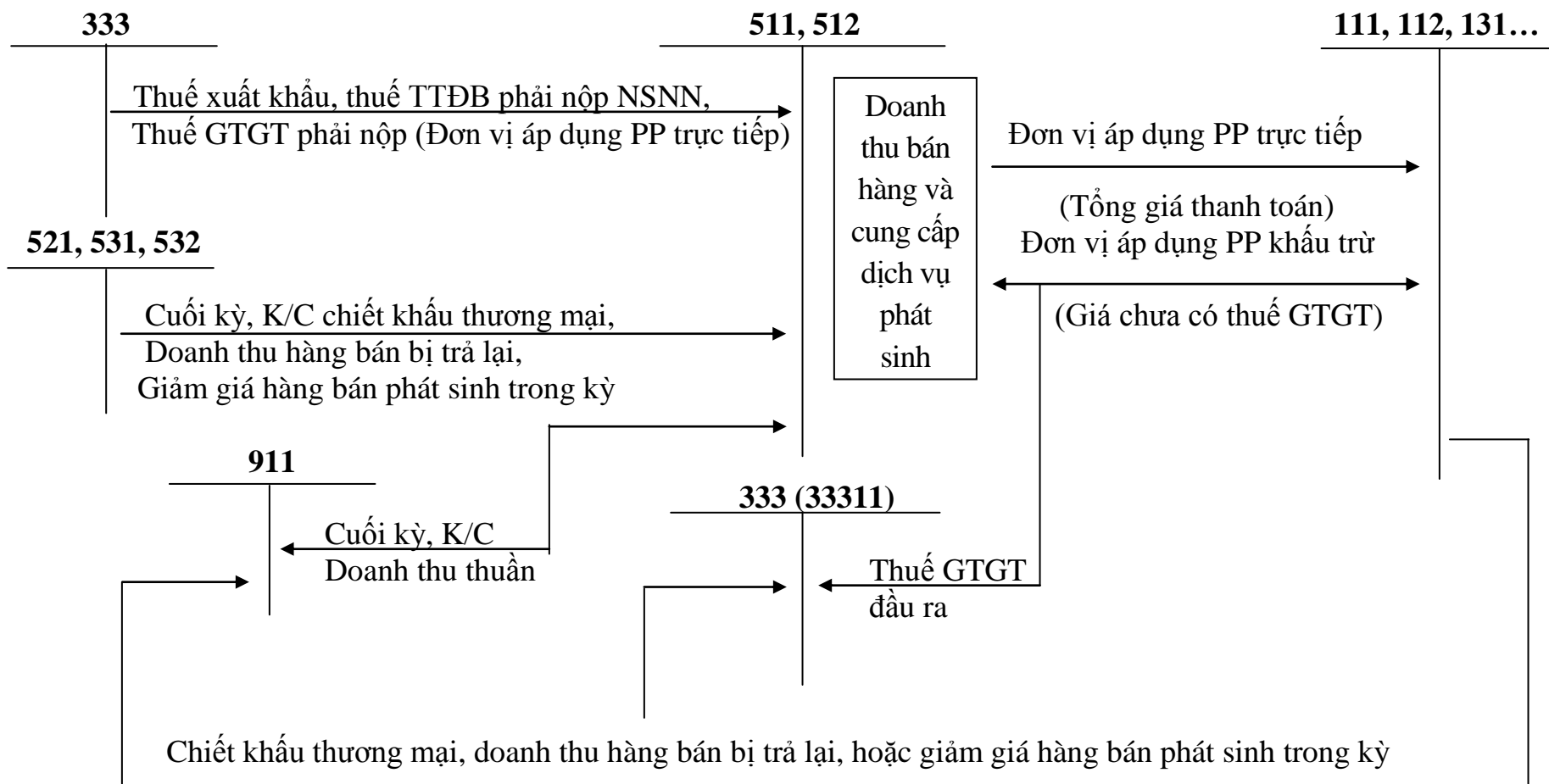
#### **➤ Tài khoản sử dụng:**

✓ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tài khoản này có 5 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm

- + Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.  
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.
- ✓ Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ. Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:
  - Tài khoản 5121- Doanh thu bán hàng hoá: Phản ánh doanh thu của khối lượng hàng hoá đã được xác định là đã bán nội bộ trong kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp thương mại như: Doanh nghiệp cung ứng vật tư, lương thực...
  - Tài khoản 5122- Doanh thu bán các thành phẩm: Phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm cung cấp giữa các đơn vị trong cùng Công ty hay Tổng công ty. Tài khoản này chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp sản xuất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp...
  - Tài khoản 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu của khối lượng dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị trong cùng công ty, Tổng công ty. Tài khoản này chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, du lịch, bưu điện...Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.1: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**



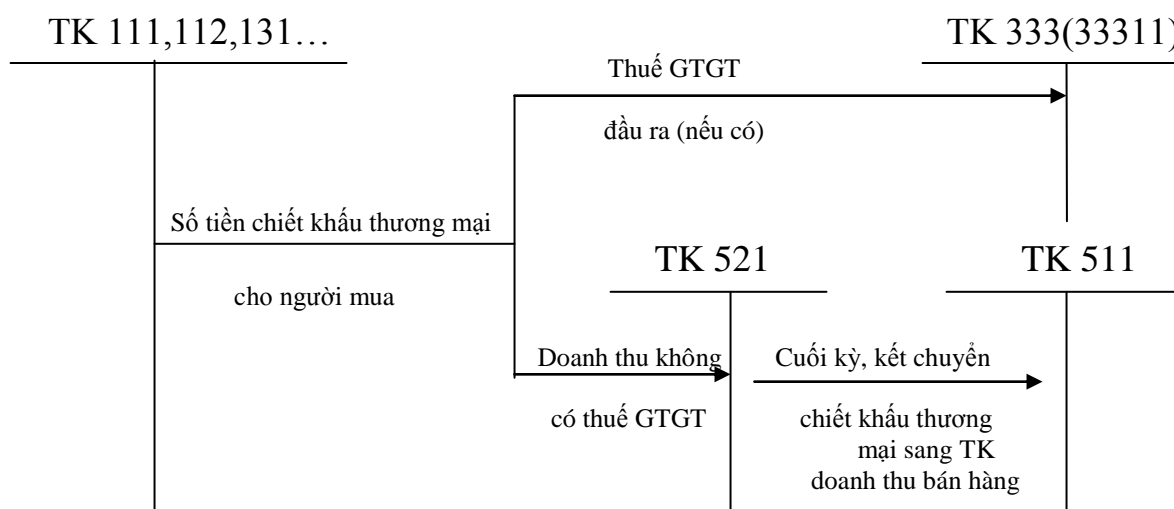
$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ} - \text{Chiết khấu thương mại} - \text{Doanh thu hàng bán bị trả lại} - \text{Doanh thu hàng giảm giá} - \text{Thuế XK, TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGT phải nộp}$$

❖ **Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu và xác định doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

+ Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà người bán đã thanh toán hoặc sẽ thanh toán cho người mua vì lý do người mua hàng với khối lượng lớn đã được thoả thuận trước trong hợp đồng hoặc trong cam kết mua bán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.4.** Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại:

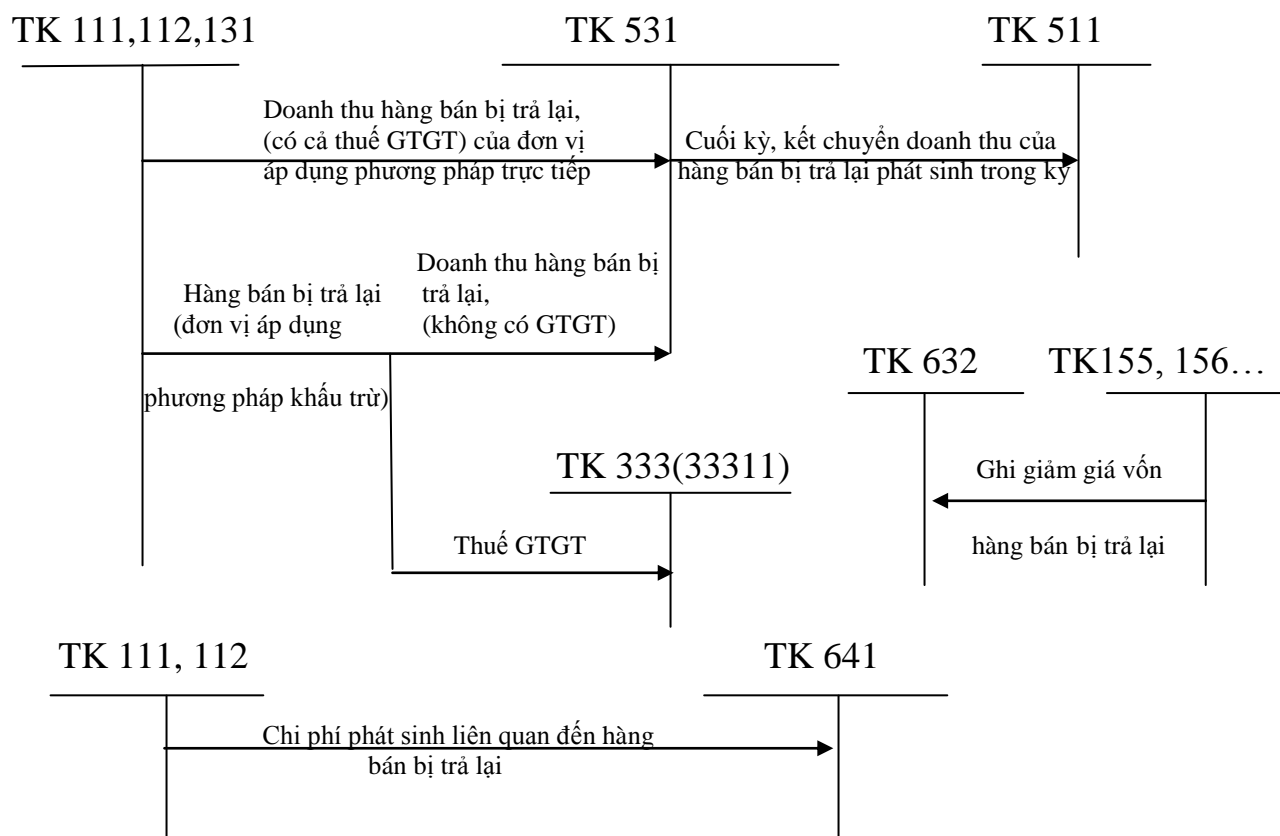


+ Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị sản phẩm hàng hoá hay dịch vụ đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản trong hợp đồng như hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

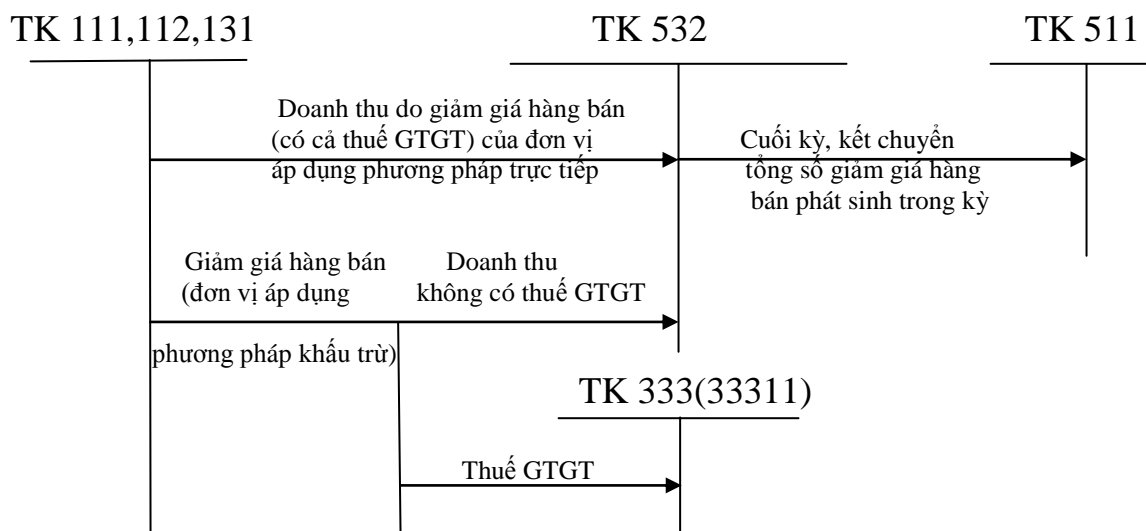


**Sơ đồ 1.5.** Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại:



- + Tài khoản 532- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- + Thuế xuất khẩu: Là loại thuế đánh vào doanh thu của tất cả các hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam.
- + Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế tiêu dùng vì không phục vụ thiết thực cho đời sống xã hội.
- + Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ: Là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên doanh thu của hàng hoá đã tiêu thụ trong kỳ theo mức thuế suất đã quy định, doanh nghiệp đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu.

**Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán:**



❖ **Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

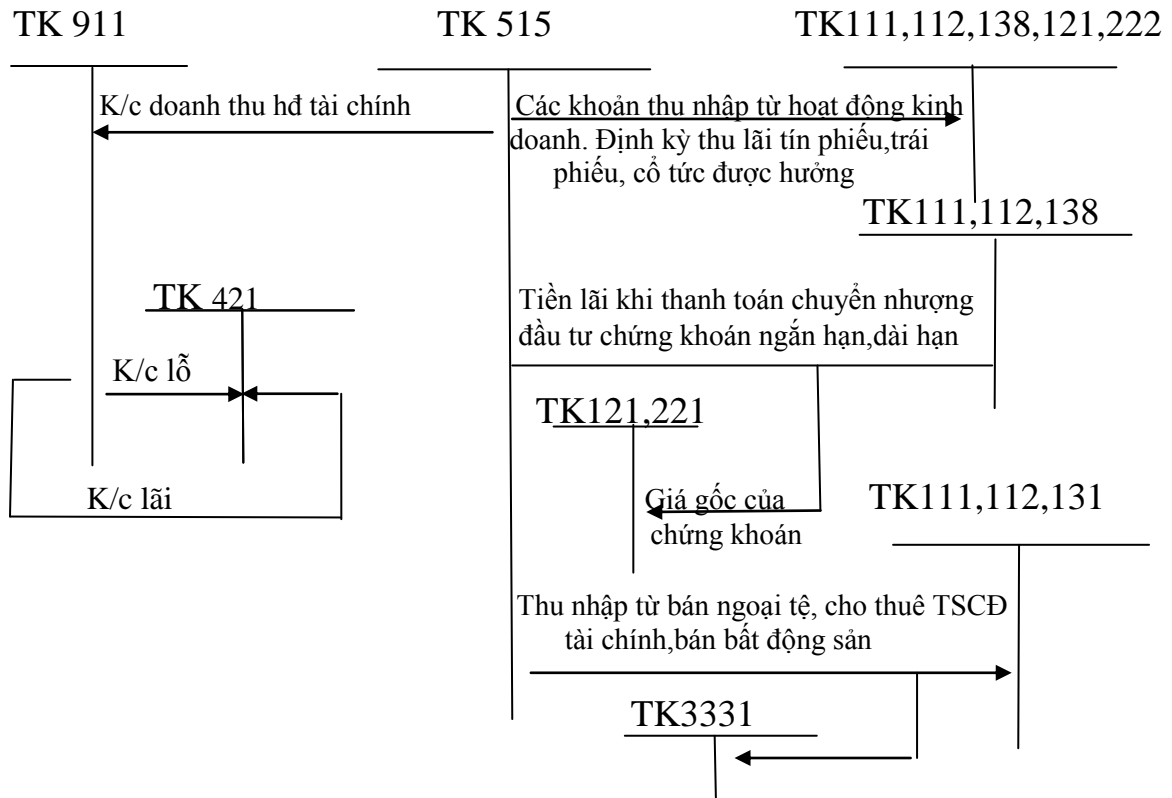
➤ **Nội dung:** Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi từ cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi đầu tư chứng khoán, lãi tỷ giá, lãi chuyển nhượng vốn; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý nhượng bán các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết; Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

➤ **Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản, giấy báo có ngân hàng, bản sao kê của ngân hàng...
- Sổ theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ (S33-DN)
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua...

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



❖ **Kế toán thu nhập khác.**

**Thu nhập khác:** Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu không mang tính thường xuyên.

Nội dung của thu nhập khác được quy định tại Chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuê được ngân sách Nhà nước hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra.

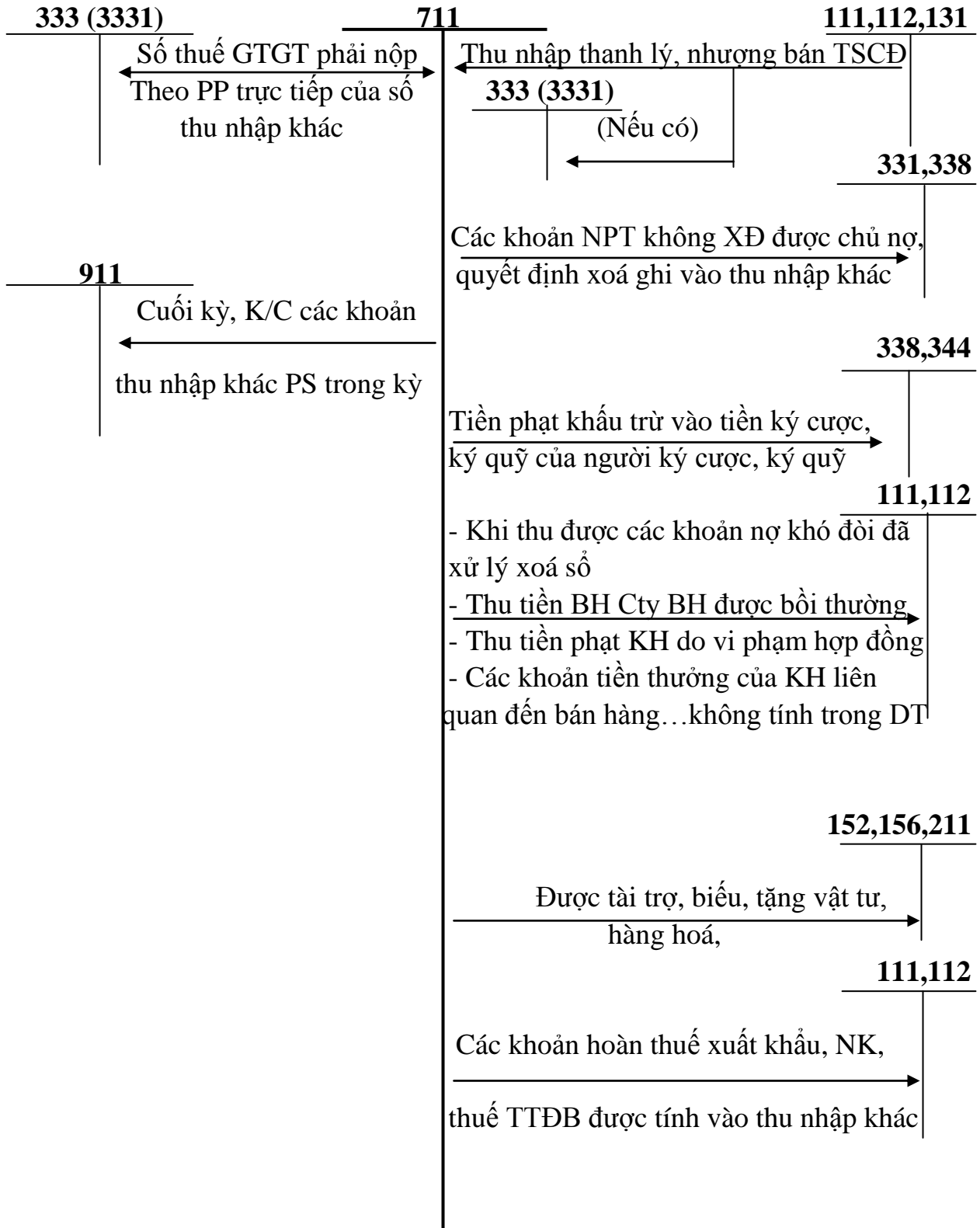
**Các chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua;
- Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng;
- Sổ chi tiết thuế GTGT được hoàn lại;
- Sổ nhật ký thu tiền...

**Tài khoản sử dụng:** Tất cả các khoản thu nhập khác nêu trên, phát sinh trong kỳ được hạch toán vào TK 711.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.8: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC**



### 1.2.1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

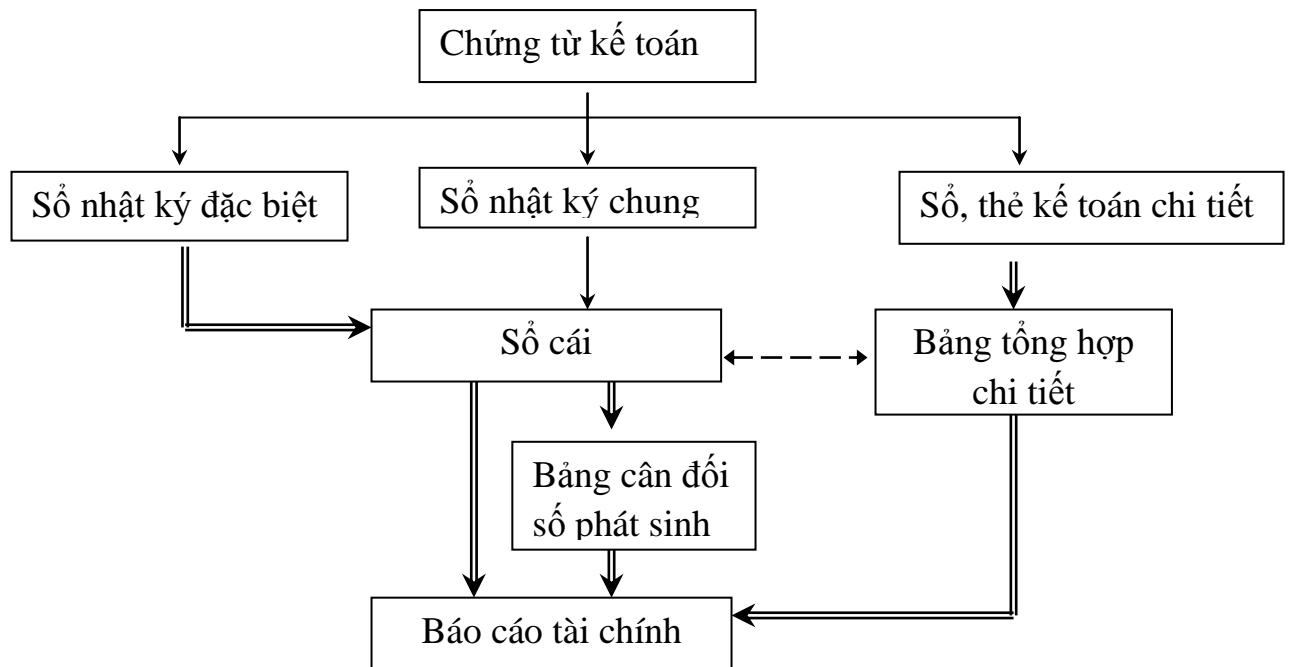
Tuỳ theo hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng, xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp được phản ánh trên các sổ kế toán phù hợp.

Theo quy định hiện hành, có 5 hình thức sổ kế toán thường được doanh nghiệp áp dụng, đó là:

- Nhật ký chung
- Chứng từ ghi sổ
- Nhật ký chứng từ
- Nhật ký sổ cái
- Hình thức kế toán máy

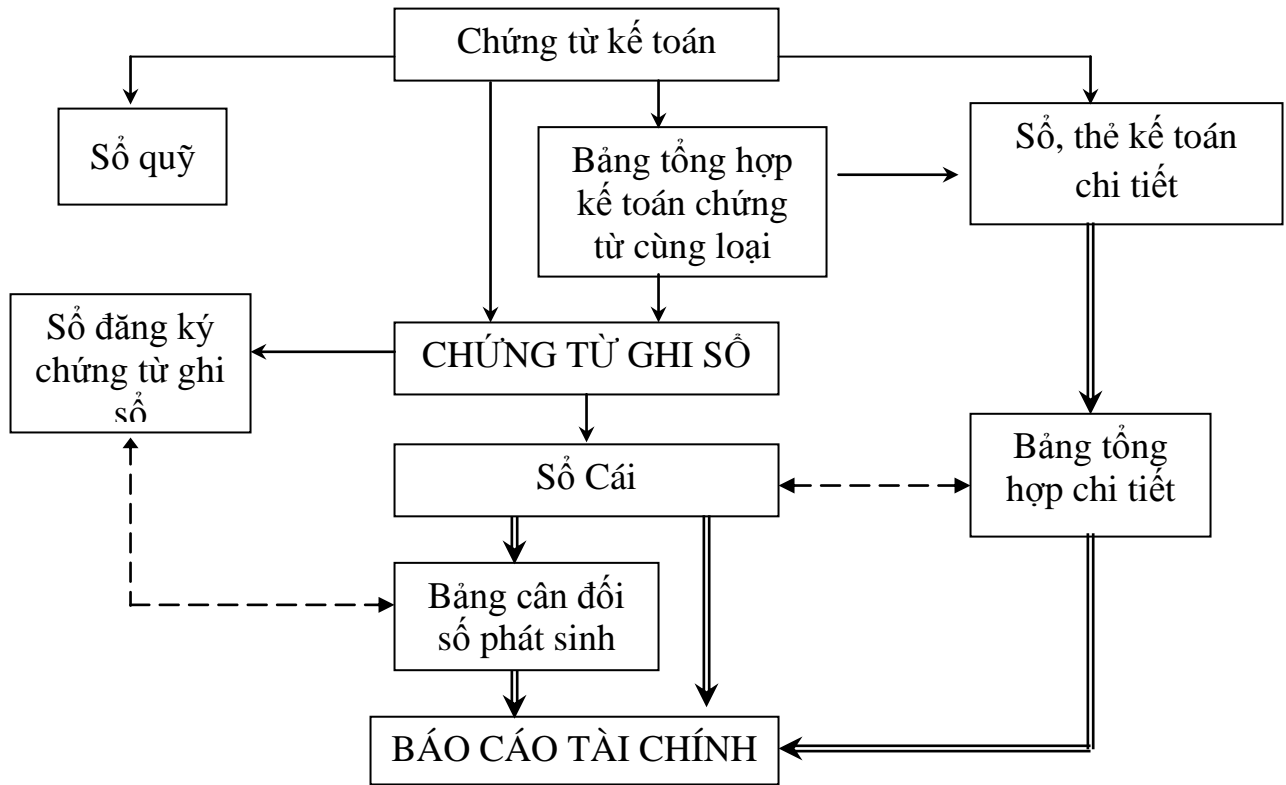
Sơ đồ lưu chuyển của từng hình thức:

- **Hình thức nhật ký chung:**



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

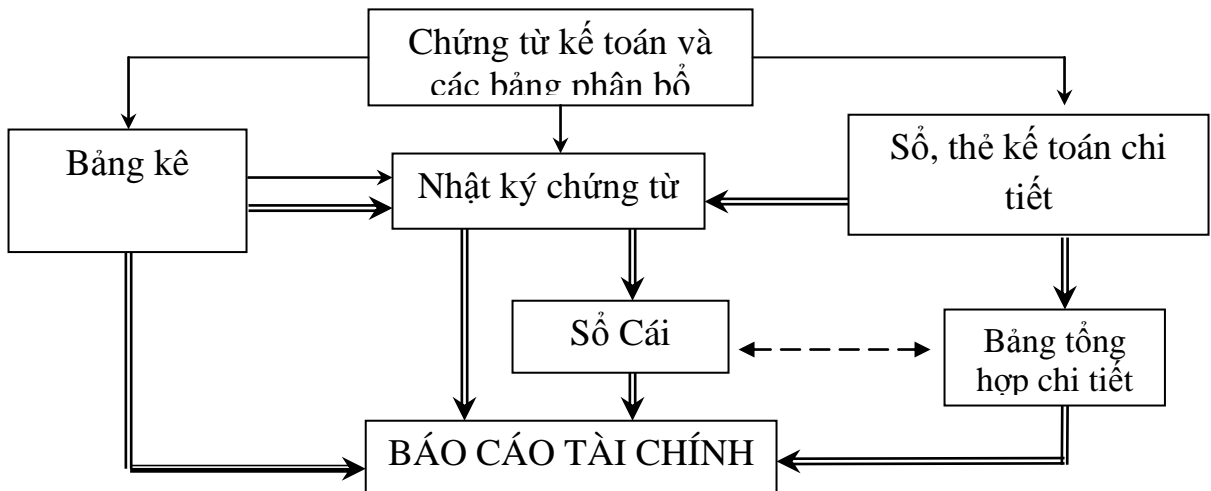
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:



**Ghi chú**

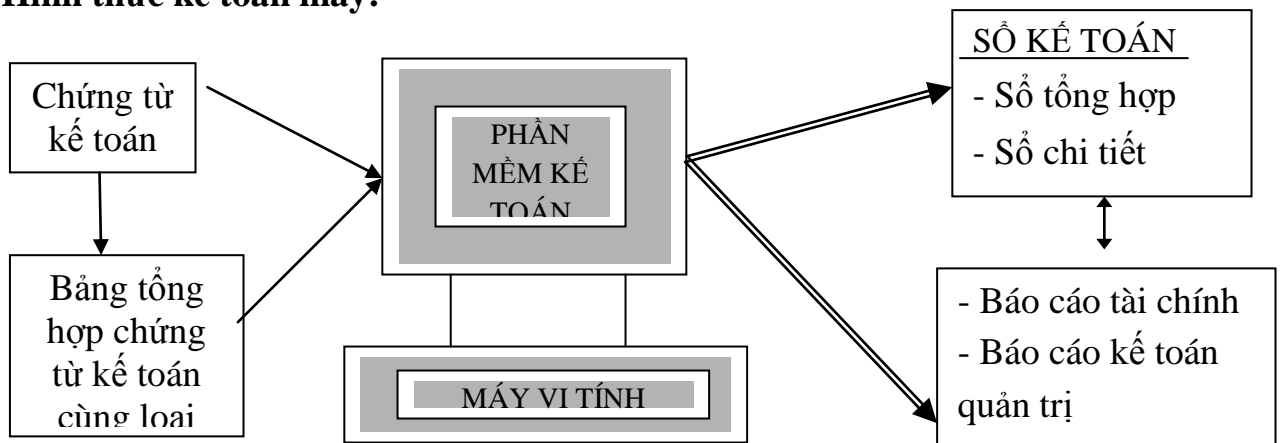
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**- Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ:**



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**- Hình thức kế toán máy:**



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra



### **1.2.2. Hạch toán kế toán giá vốn hàng bán**

#### **1.2.2.1. Nguyên tắc hạch toán giá vốn hàng bán:**

Mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị kế toán chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Khi doanh nghiệp đã lựa chọn phương pháp hạch toán hàng tồn kho nào để áp dụng tại doanh nghiệp, thì phương pháp đó phải được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Đối với các tài khoản dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh và tính giá thành sản phẩm dịch vụ, ngoài việc hạch toán tổng hợp còn phải hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí: Phân xưởng, tổ, đội sản xuất, bộ phận sản xuất, theo sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ,...

Đối với những chi phí sản xuất, kinh doanh không có khả năng hạch toán trực tiếp vào các đối tượng chịu phí như: Chi phí sản xuất chung, chi phí tưới tiêu nước, chi phí chuẩn bị đất... thì phải tập hợp các chi phí này vào tài khoản tập hợp chi phí sau đó tiến hành phân bổ chi phí sản xuất, kinh doanh đã tập hợp cho các đối tượng chịu chi phí theo các tiêu thức phù hợp.

#### **1.2.2.2. Hạch toán kế toán chi tiết giá vốn hàng bán.**

➤ **Chứng từ sử dụng:** Khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng và thanh toán tiền hàng với người mua phải có các chứng từ phù hợp để phản ánh chính xác, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán, đồng thời là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán. Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, kế toán tiêu thụ sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Hoá đơn bán hàng (Mẫu số 02- GTGT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
- Hoá đơn bán hàng giao thẳng, Báo cáo bán hàng
- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
- Bảng thanh toán hàng đại lý

- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

Các chứng từ phải đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ thì mới được phép ghi sổ

### **1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.**

Để hạch toán giá vốn hàng bán của hàng hoá xuất bán trong kỳ kế toán sử dụng TK 632 “ Giá vốn hàng bán”.

#### **Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ ( theo phương pháp kê khai thường xuyên)
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ, trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành ( theo phương pháp kiểm kê định kỳ)
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành
- Khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng này trước.

#### **Bên có:**

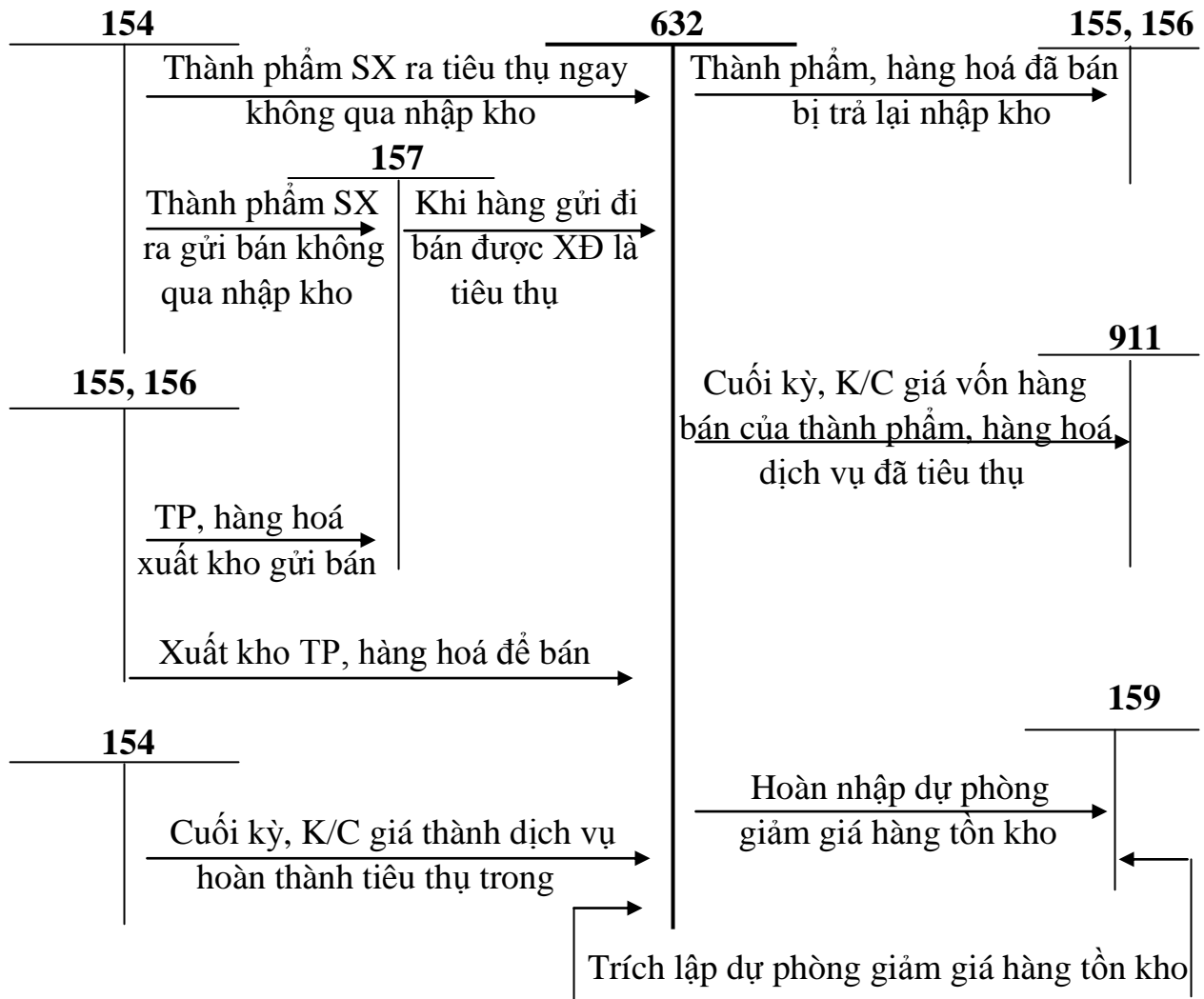
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155 “ Thành phẩm” ( theo phương pháp KKĐK)
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính ( Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).
- Phản ánh trị giá của thành phẩm, hàng hoá bán ra bị khách hàng trả lại nhập kho.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

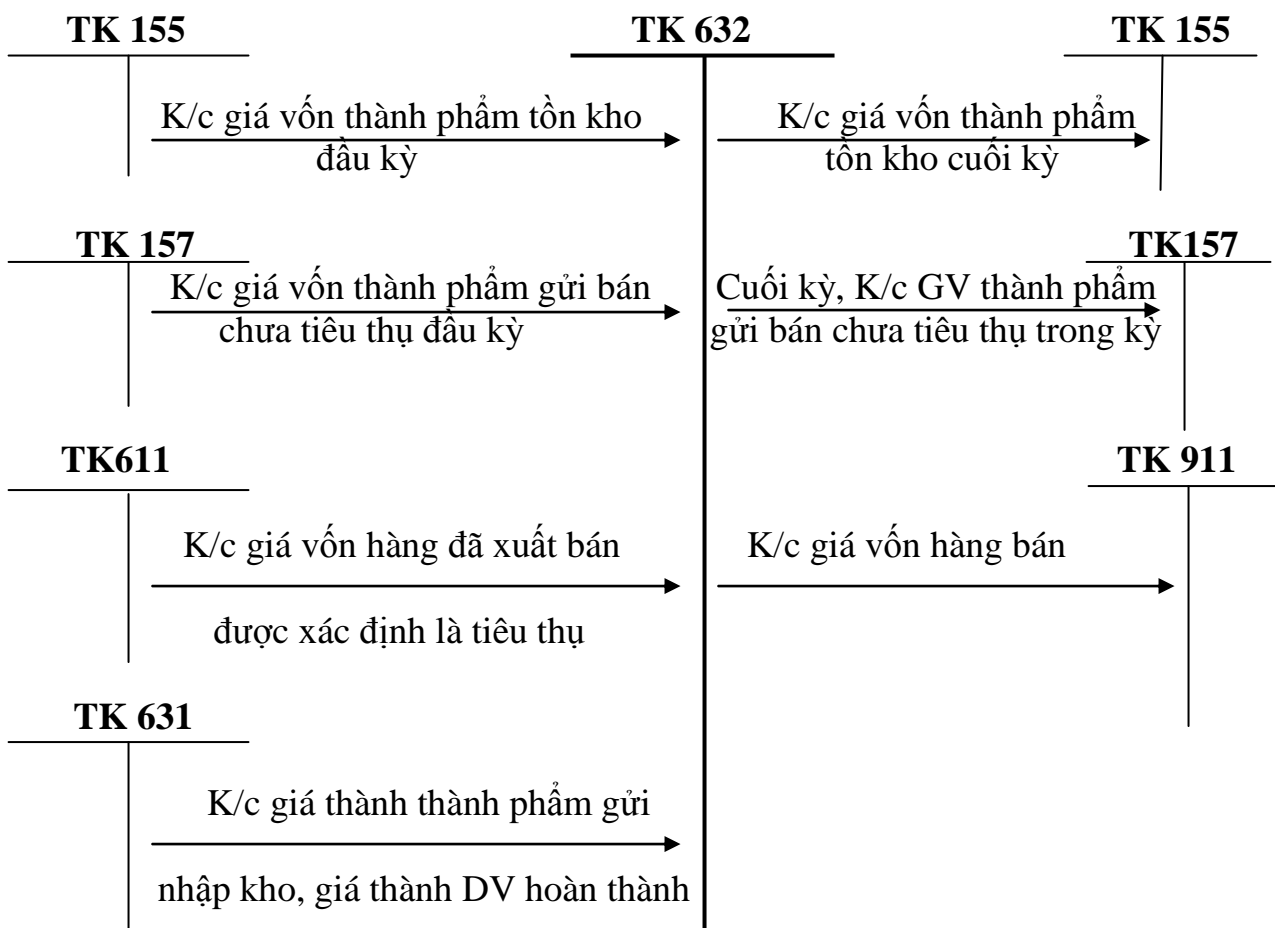
### **1.2.2.4. Trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán.**

Sơ đồ 1.9:

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN**  
 (Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



**Sơ đồ 1.10: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN**  
 (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



**1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

**1.2.3.1. Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí lao động sống và lao động vật hoá liên quan bảo quản, tiêu thụ hàng hoá, lao vụ, dịch vụ mà doanh nghiệp phải chi ra trong một kì nhất định. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí bảo quản, bốc xếp, thuê kho, thuê bãi, quảng cáo... Về bản chất đó là những chi phí phục vụ gián tiếp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nó đảm bảo cho quá trình kinh doanh diễn ra bình thường.

- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”: Phản ánh các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm,...

- **Kết cấu của tài khoản chi phí bán hàng như sau:**

**Bên nợ:** Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

**Bên có:** Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 641 chi tiết thành**

- + TK 6411- Chi phí nhân viên
- + TK 6412- Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415- Chi phí bảo hành
- + TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418- Chi phí bằng tiền khác

### **1.2.3.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại chi phí như:

- Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...)
- BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp
- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp
- Tiền thuê đất, thuế môn bài
- Các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi
- Dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...)

- Chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

**Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

**- Kết cấu của tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp như sau:**

***Bên nợ:***

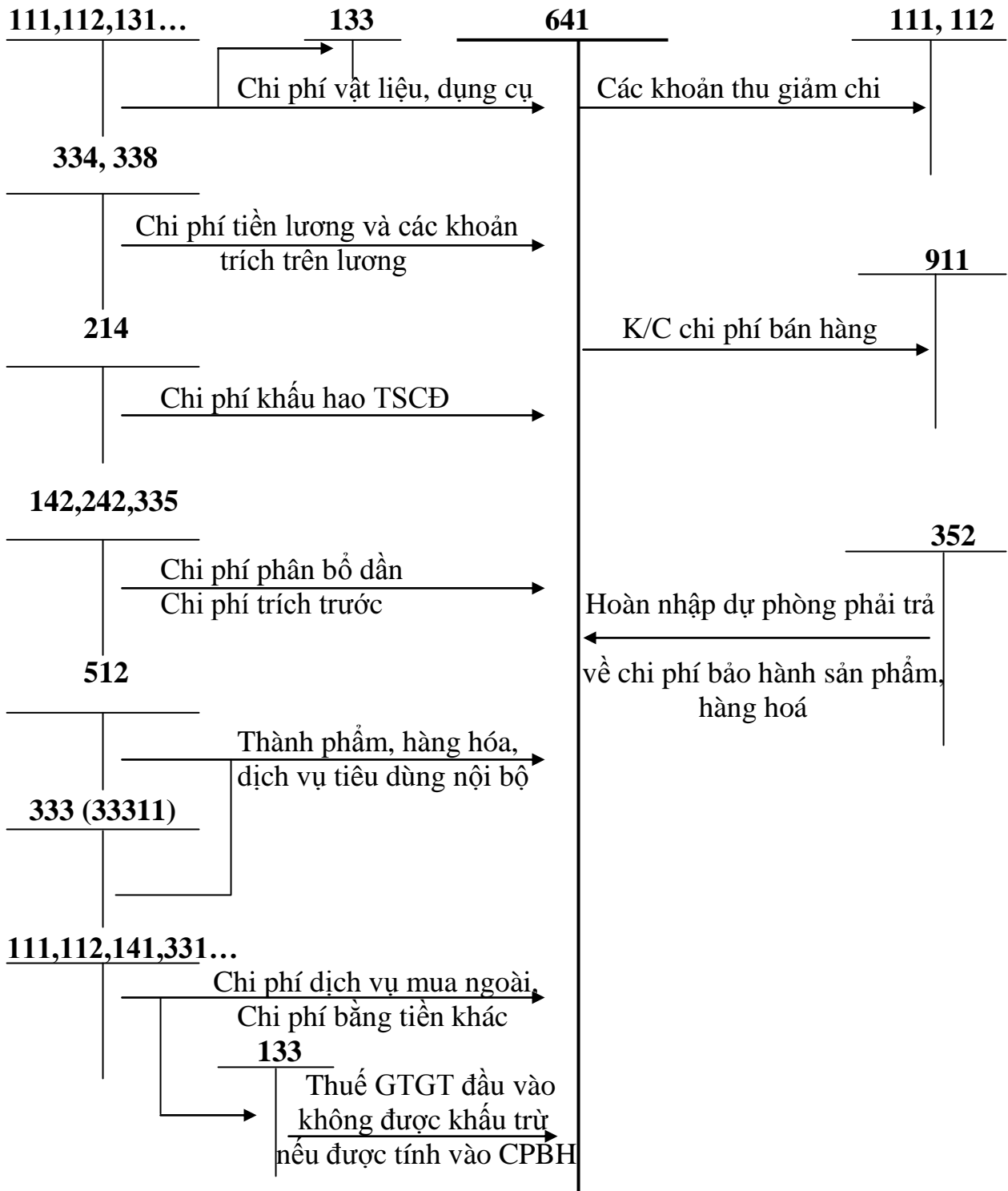
- + Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh thực tế trong kỳ.
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

***Bên có***

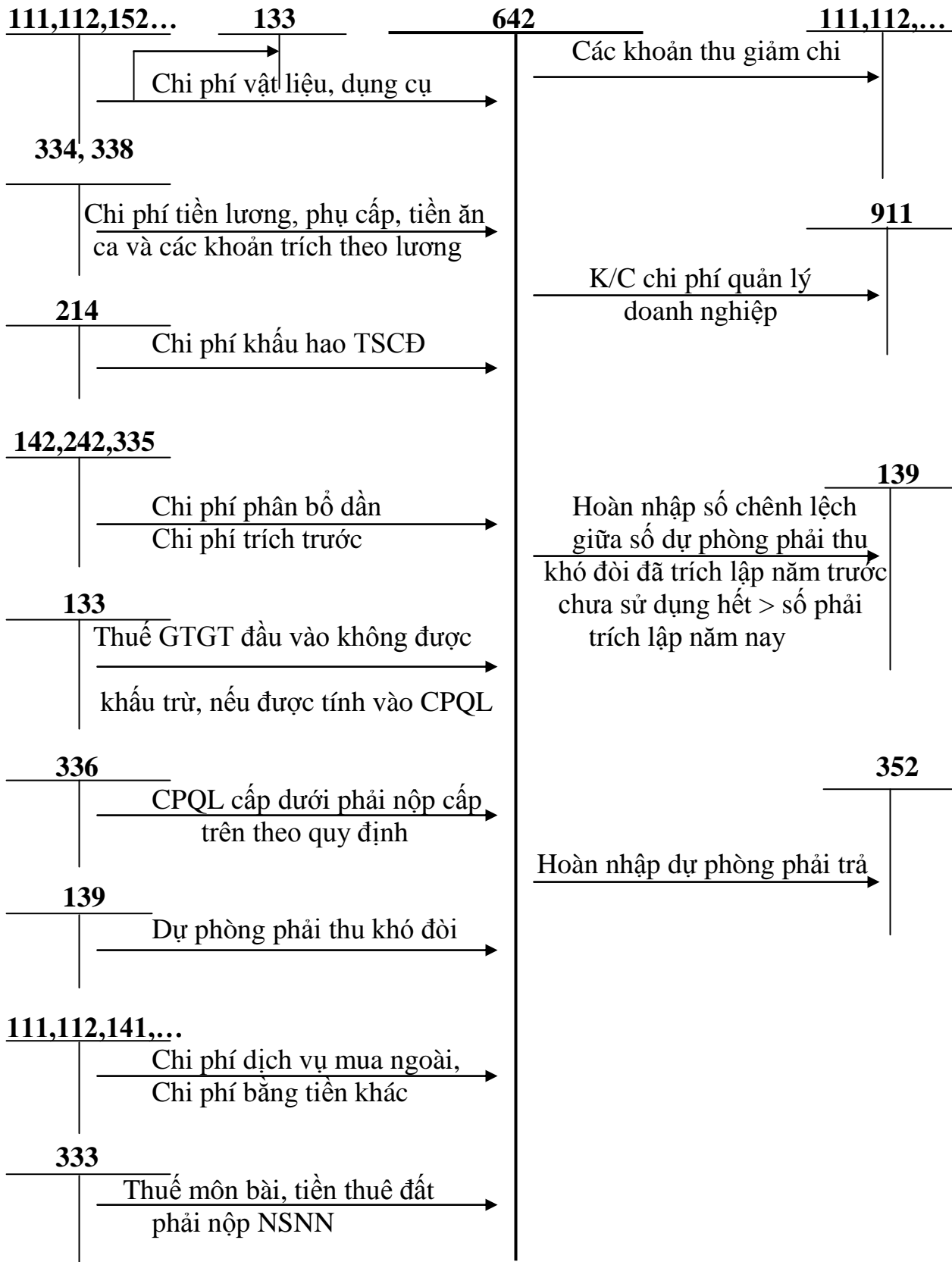
- + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**1.2.3.3.Trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

**Sơ đồ 1.11: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG**



**Sơ đồ 1.12: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**





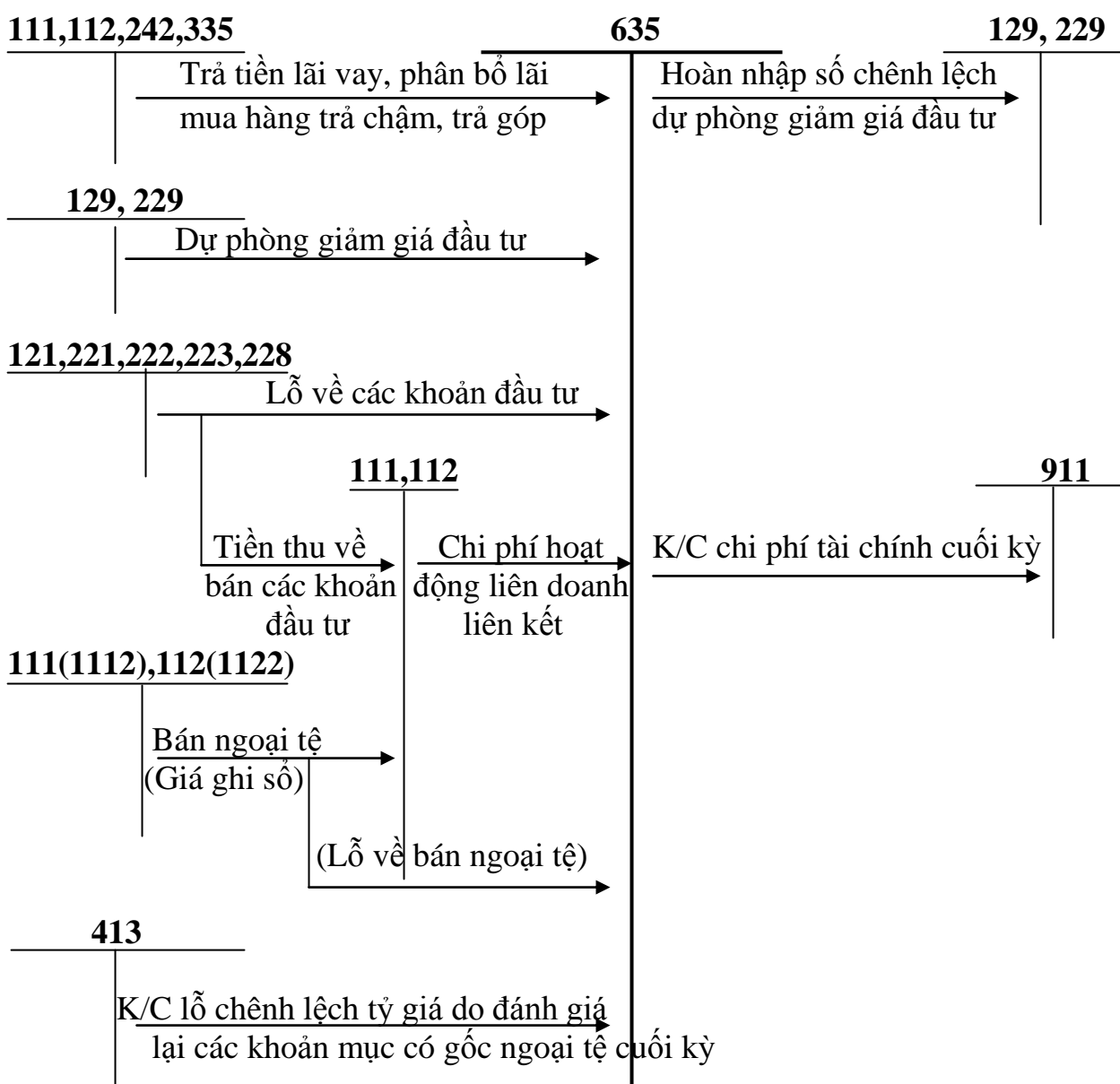
### 1.2.3.4. Các chi phí khác

**Chi phí hoạt động tài chính:** Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính.

Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí hoạt động tài chính (Sơ đồ 1.13):

**Sơ đồ 1.13: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**



• **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

+ Tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

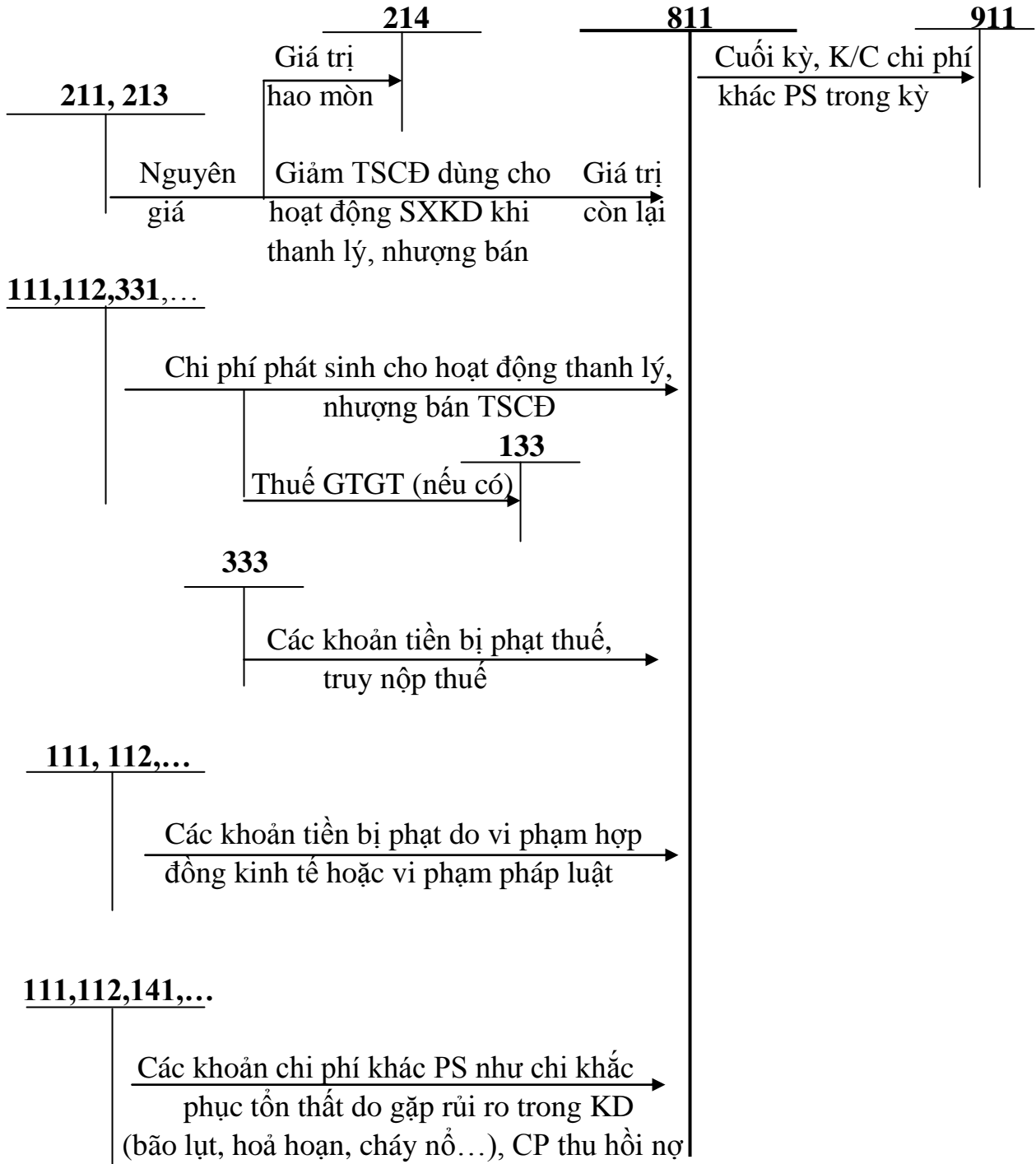
+ Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

+ Các khoản chi phí khác.

❖ Tài khoản sử dụng: TK 811, TK 821

Sơ đồ kế toán tổng hợp: Chi phí khác (Sơ đồ 1.17), Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (Sơ đồ 1.18).

**Sơ đồ 1.14: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC**





- Sổ Cái TK 632, 641, 642, 511, 515, 711, 811, 821, 911, 421...

❖ *Kết cấu và nội dung phản ánh:*

**Bên Nợ:**

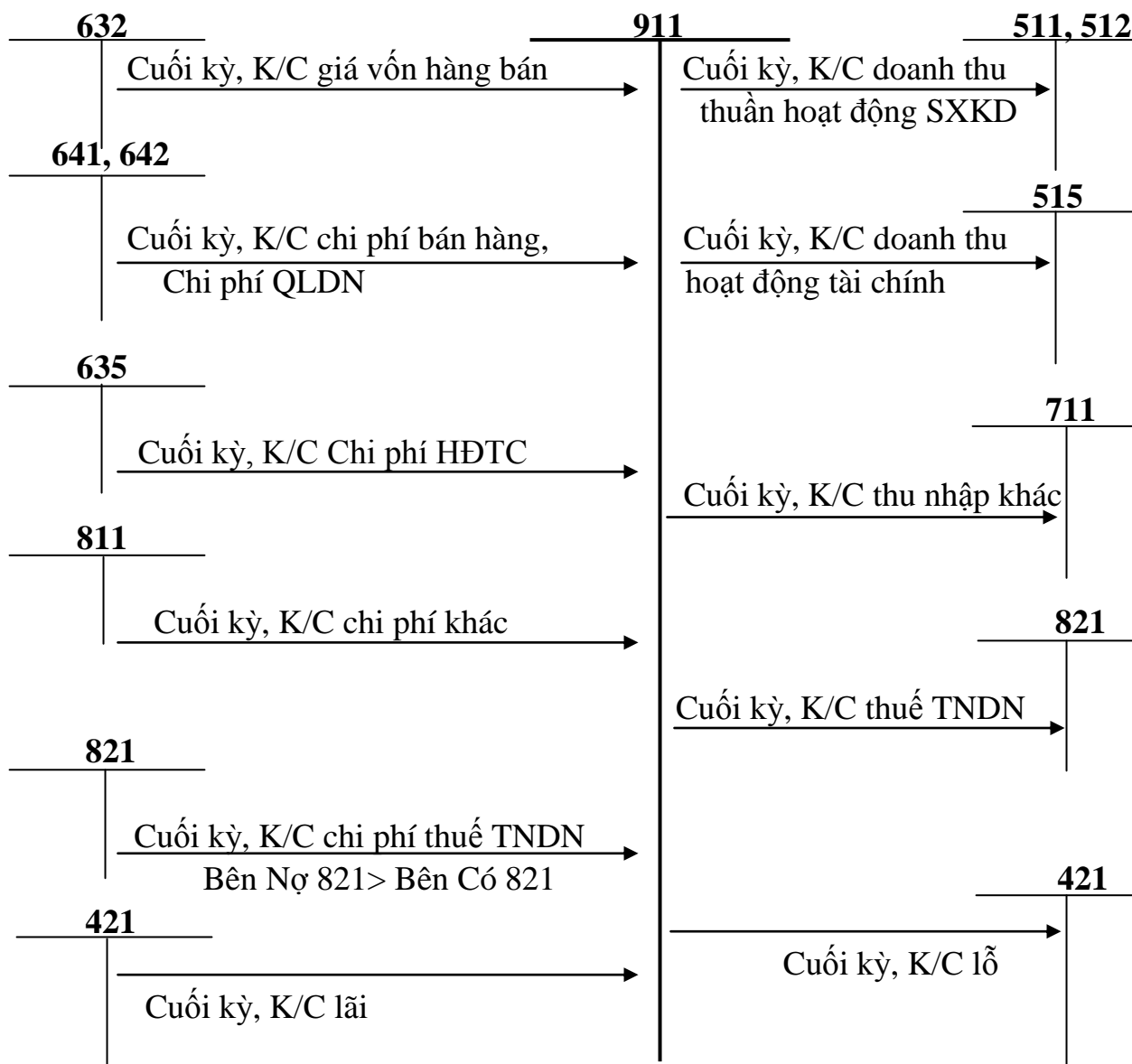
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

**Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.16: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**



## **CHƯƠNG II:**

### **THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 319-XÍ NGHIỆP 359.**

#### **2.1. Khái quát chung về công ty.**

##### ***2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.***

Xí nghiệp 359 – công ty xây dựng 319 – Bộ quốc phòng được thành lập ngày 25/3/1959. Trong thời kỳ bao cấp xí nghiệp có nhiệm vụ sản xuất gạch ngói đất nung theo kế hoạch để phân phối cho cán bộ chính sách trong quân đội.

Từ năm 1993 trở lại đây được chuyển đổi thành doanh nghiệp nhà nước trong quân đội tự hạch toán kinh doanh theo quyết định số 384/QĐ- QP ngày 27/7/1993 và giấy phép kinh doanh số 313720 ngày 06/04/2001 của sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, có nhiệm vụ sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp – giao thông, thủy lợi.

Trụ sở của xí nghiệp đặt tại lô 3- đường Lê Duẩn – phường Bắc Sơn- quận Kiến An- thành phố Hải Phòng.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất gạch, vật liệu xây dựng và xây lắp.

Trong những năm qua xí nghiệp đã trải qua nhiều bước thăng trầm trước những yêu cầu nhiệm vụ củng cố tổ chức SXKD đặc biệt trong những năm 1986- 1990 chuyển đổi cơ chế xí nghiệp phải chấp nhận cạnh tranh gay gắt. Song với truyền thống đoàn kết, chủ động khắc phục khó khăn xí nghiệp vẫn duy trì giữ vững sản xuất, đảm bảo việc làm cho công nhân, từng bước ổn định đời sống của cán bộ CNV – người lao động, xí nghiệp đã khẳng định được chỗ đứng của mình trên thương trường.

Trước những đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, giá thành hạ, xí nghiệp đã mạnh dạn đổi mới đầu tư một dây chuyền công nghệ sản xuất đồng bộ hiện đại bằng nung Tuynel. Tháng 12 năm 1994 khởi công xây dựng lắp đặt hệ thống chế biến tạo hình và trên 5000m<sup>2</sup> nhà kính phơi gạch Tuynel, với tổng giá trị xây lắp là 14 tỷ đồng với công suất đạt 20 triệu viên/ năm. Tháng 8 năm 1995 những viên gạch Tuynel đầu tiên ra đời, đảm bảo đạt các thông số tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam 1450 – 86 TCVN đủ sức cạnh tranh trên thị trường Hải Phòng.

### ***2.1.2. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và quyền hạn của xí nghiệp.***

#### **Nhiệm vụ:**

- SXKD vật liệu xây dựng như gạch ngói đất nung.
- Đại lý kinh doanh vận tải, vật tư, vật liệu xây dựng.
- Xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp – giao thông thuỷ lợi.
- Kinh doanh kho, bãi chứa hàng hoá, container và thu gom hàng hoá.

#### **Quyền hạn:**

- Xí nghiệp 359 là doanh nghiệp thành viên của công ty xây dựng 319 – Bộ quốc phòng chịu sự quản lý trực tiếp của công ty về mọi mặt, xí nghiệp có đủ tư cách pháp nhân, có đăng kí kinh doanh riêng do thành phố hải phòng cấp, có tài khoản tại ngân hàng, có con dấu riêng.

- Được tự chủ SXKD theo hướng của công ty, thực hiện chế độ hạch toán phụ thuộc và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ quyền lợi.

- Trên cơ sở nhiệm vụ và chỉ tiêu từ trên giao, chủ động thực hiện các hoạt động SXKD, được giao dịch tìm kiếm thị trường tạo việc làm, xây dựng định mức kinh tế kĩ thuật, tiêu thụ sản phẩm, ký các hợp đồng kinh tế.

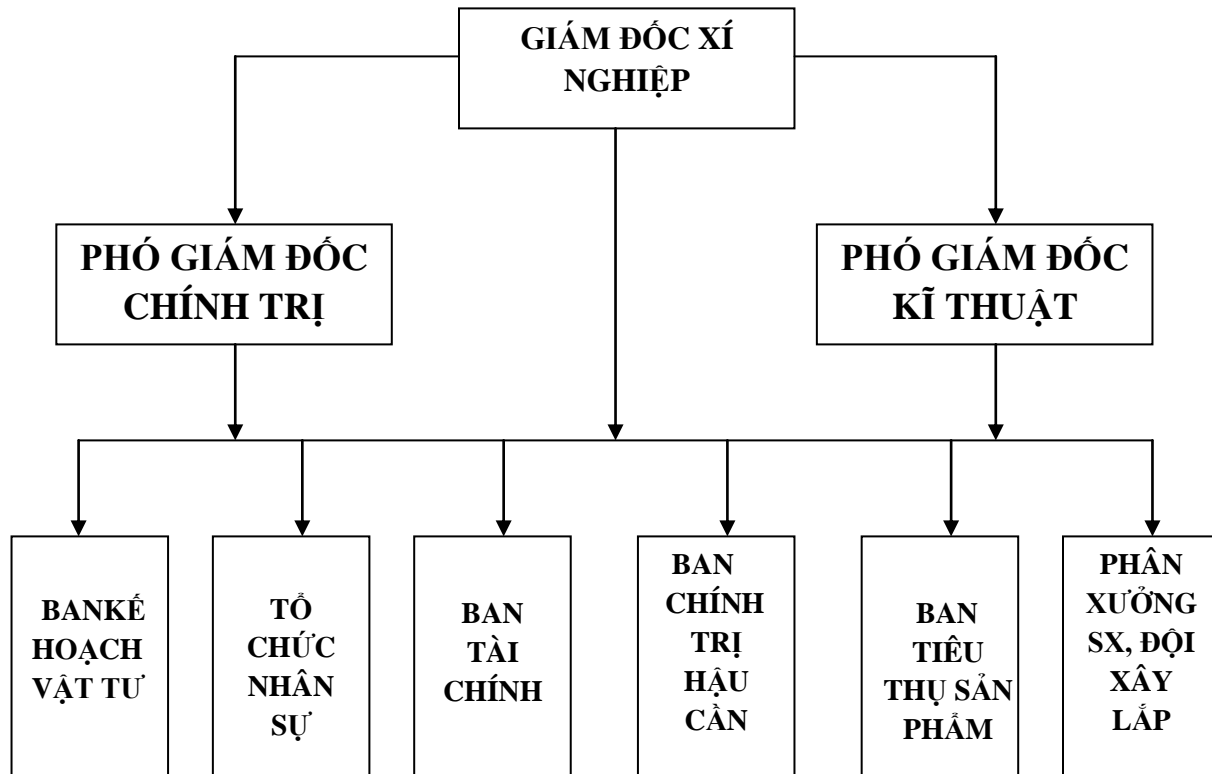
- Được tuyển chọn lao động hợp đồng ngắn hạn, dài hạn phù hợp với luật lao động và quy định của Bộ quốc phòng.

- Có trách nhiệm đăng ký với cơ quan thuế địa phương, dưới sự hướng dẫn của cơ quan thuế theo luật định. Có quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương nơi đóng quân và các cơ quan của đơn vị có liên quan để phối hợp hoàn thành nhiệm vụ.



### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý của xí nghiệp.

Sơ đồ 2-1: Sơ đồ tổ chức quản lý của xí nghiệp 359



#### + Chức năng của giám đốc

Giám đốc là đại diện pháp nhân của doanh nghiệp. Quản lý điều hành xí nghiệp theo chế độ một thủ trưởng có quyền điều hành SXKD cao nhất trong doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên về các hoạt động của doanh nghiệp mình. Giám đốc có quyền tổ chức bộ máy trong doanh nghiệp sao cho tinh giản, có hiệu quả nhất: Giám đốc có quyền đề nghị lên cấp có thẩm quyền trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng hoặc kỷ luật phó giám đốc- kế toán trưởng. Ký kết các hợp đồng kinh tế, chủ động thực hiện các hoạt động SXKD, hoạt động tài chính, tổ chức về nhân sự theo sự phân cấp uỷ quyền của cấp trên.

+ Phó giám đốc kế hoạch – kỹ thuật: là người giúp giám đốc điều hành hoạt động của xí nghiệp theo sự phân cấp uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền trong quá trình điều hành chỉ đạo

các phòng, ban, đội, phân xưởng đã được phân công, giám đốc có thể trực tiếp chỉ đạo trong những trường hợp cần thiết không phải thông qua phó giám đốc.

Trong quá trình điều hành có những ý kiến khác nhau giữa phó giám đốc được phân công với các đội, phân xưởng, phòng ban thì phó giám đốc phải báo cáo cho giám đốc và quyền quyết định cuối cùng là của giám đốc xí nghiệp.

+ **Phó giám đốc chính trị:** là người phụ trách về công tác Đảng – công tác chính trị, ra quyết định lãnh đạo SXKD hàng tháng. Theo dõi, chỉ đạo hoạt động các tổ chức quần chúng như phụ nữ, công đoàn, thanh niên và làm công tác phát triển đảng viên mới.

+ **Kế toán trưởng:** là người giúp giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê, phân tích hoạt động kinh tế của xí nghiệp, quản lý sử dụng các nguồn vốn an toàn đúng mục đích. Có quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ **Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:**

Có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho Đảng uỷ, Ban giám đốc quản lý điều hành các hoạt động của xí nghiệp.

• *Ban kế hoạch – vật tư:*

Tham mưu cho giám đốc lập kế hoạch SXKD, xây dựng chiến lược SXKD, kế hoạch sản xuất ngắn hạn, trung hạn theo dõi lập biểu tính toán giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

- Đảm bảo năng lực của xí nghiệp về máy móc thiết bị, nhà xưởng cũng như cung cầu của thị trường đề ra kế hoạch phù hợp với khả năng.
- Xây dựng định mức vật tư, định mức tiền lương cho đơn vị sản phẩm.
- Xây dựng kế hoạch tiền lương, tiền thưởng, bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân – người lao động.
- Xây dựng kế hoạch mua bán vật tư chủ yếu như than, đất, xăng dầu, phụ tùng thay thế để kịp thời phục vụ sản xuất. Có kế hoạch dự trữ vật tư các loại theo định mức tránh để tồn kho gây ứ đọng vốn. Nhập xuất vật tư kịp thời, lập báo cáo hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

• *Ban tài chính xí nghiệp:*

- Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn trình giám đốc đồng thời có trách nhiệm thực hiện và quản lý nghiệp vụ tài chính.

- Thực hiện các công tác chuyên môn nghiệp vụ như thanh quyết toán, tạm ứng tiền lương cho cán bộ - công nhân viên, hạch toán, thống kê cập nhật chứng từ lập báo cáo tài chính kịp thời, đúng chế độ nhà nước quy định.

- Lập kế hoạch chỉ tiêu và dự phòng để phục vụ kịp thời, chủ động cho nhiệm vụ SXKD.

- Tiến hành các công việc hạch toán kinh tế các kết quả hoạt động SXKD, tổng hợp các số liệu xử lý phân tích các hoạt động kinh tế theo kỳ báo cáo, mở sổ sách theo dõi toàn bộ tài sản của xí nghiệp định kỳ kiểm kê đánh giá tài sản cố định.

- Thường xuyên theo dõi nguồn vật tư hàng hoá tồn kho, nguồn vốn lưu động đề xuất với giám đốc những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả vốn.

- Giám sát kiểm tra các hợp đồng kinh tế mua bán vật tư hàng hoá, mua sắm máy móc thiết bị, tài sản, xây dựng cơ bản hoàn thành quyết toán và thanh lý các hợp đồng trên khi đã thực hiện xong.

- Phối kết hợp với các phòng ban liên quan để xác định chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, các chi phí hoạt động SXKD để làm cơ sở hạch toán.

- Là nơi giải quyết các chế độ chính sách phúc lợi có liên quan đến lợi ích của người lao động và CB – CNV trong toàn xí nghiệp.

• *Ban tổ chức nhân sự:*

- Có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về công tác quản lý lao động.

- Nắm chắc hồ sơ lý lịch, trình độ chuyên môn của từng người về tâm tư nguyện vọng của từng CB – CNV, đề xuất với giám đốc trong công tác sắp xếp nhân sự đảm nhiệm công việc phù hợp với chuyên môn kỹ thuật, để nhằm tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc cao, nắm bắt quân số tăng giảm của từng bộ phận.

- Nếu làm tốt công tác quản lý nhân sự, tham mưu cho giám đốc chính xác khách quan sắp xếp phù hợp với năng lực chuyên môn của từng người thì hoạt động SXKD của doanh nghiệp sẽ đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

• *Ban tiêu thụ sản phẩm*

- Là cơ quan tham mưu giúp việc cho giám đốc, tổ chức thực hiện công tác hoạt động tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp. Đây là ban quan trọng ảnh hưởng lớn đến kết

quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp. Thường xuyên có cán bộ đi thị trường tiếp thị, chào hàng, nắm bắt tình hình cung cầu của thị trường, thị hiếu của khách hàng về chất lượng sản phẩm, mẫu mã kiểu dáng sản phẩm, lắng nghe ý kiến của khách hàng góp ý, đề xuất với giám đốc kịp thời để điều chỉnh giá bán sản phẩm, chế độ khuyến khích đại lý, môi giới cán bộ tiêu thụ một cách hợp lý.

- Quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên phương tiện vận chuyển sản phẩm.

- Nhận bốc xếp hàng hoá vận chuyển đến chân công trình theo yêu cầu của khách hàng không kể thời gian bảo đảm đầy đủ kịp thời an toàn, tạo uy tín đối với khách hàng, chống gây hư hao tổn hàng hoá.

- *Ban chính trị hậu cần*

- ✓ Công tác Đảng – công tác chính trị:

- Thông tin tuyên truyền đường lối chính sách của đảng, truyền thống của đơn vị. Tổ chức phong trào văn hoá, thể thao, thi đua sản xuất, đưa tin người tốt việc tốt của xí nghiệp, kẻ vẽ panô, tranh cổ động.

- Giúp đồng chí phó giám đốc – bí thư Đảng uỷ về công tác Đảng, công tác chính trị, sơ tổng kết các phong trào thi đua động viên kịp thời những tập thể cá nhân tiêu biểu.

- Duy trì hoạt động các tổ chức quần chúng như công đoàn, đoàn thanh niên Hội phụ nữ.

- ✓ Công tác hậu cần đời sống:

- Đảm bảo và quản lý tốt các trang thiết bị văn phòng làm việc

- Duy trì bếp ăn tập thể cho CB – CNV ăn thường xuyên và ăn ka.

- Làm tốt công tác vệ sinh toàn đơn vị.

- Chăm sóc cây cối để đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp.

- *Phân xưởng sản xuất, đội xây lắp:*

- Sản xuất các loại sản phẩm theo chỉ tiêu nhiệm vụ được giám giao.

- Tổ chức phân công lao động hợp lý phù hợp với tính chất yêu cầu của công việc, kiểm tra đôn đốc thường xuyên việc chấp hành các quy trình công nghệ của người lao động.

- Động viên khuyến khích người lao động phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất.
- Sửa chữa thường xuyên và định kỳ kịp thời máy móc thiết bị, công cụ lao động phương tiện phục vụ sản xuất.
- Giải quyết kịp thời các phát sinh trong phạm vi quyền hạn cho phép, vượt quá khả năng phải xin ý kiến giám đốc giải quyết.
- Các đội xây dựng tổ chức điều hành thi công các công trình đảm bảo tiến độ chất lượng, an toàn dưới sự phân công của giám đốc xí nghiệp.

#### **2.1.4. Bộ máy kế toán của xí nghiệp.**

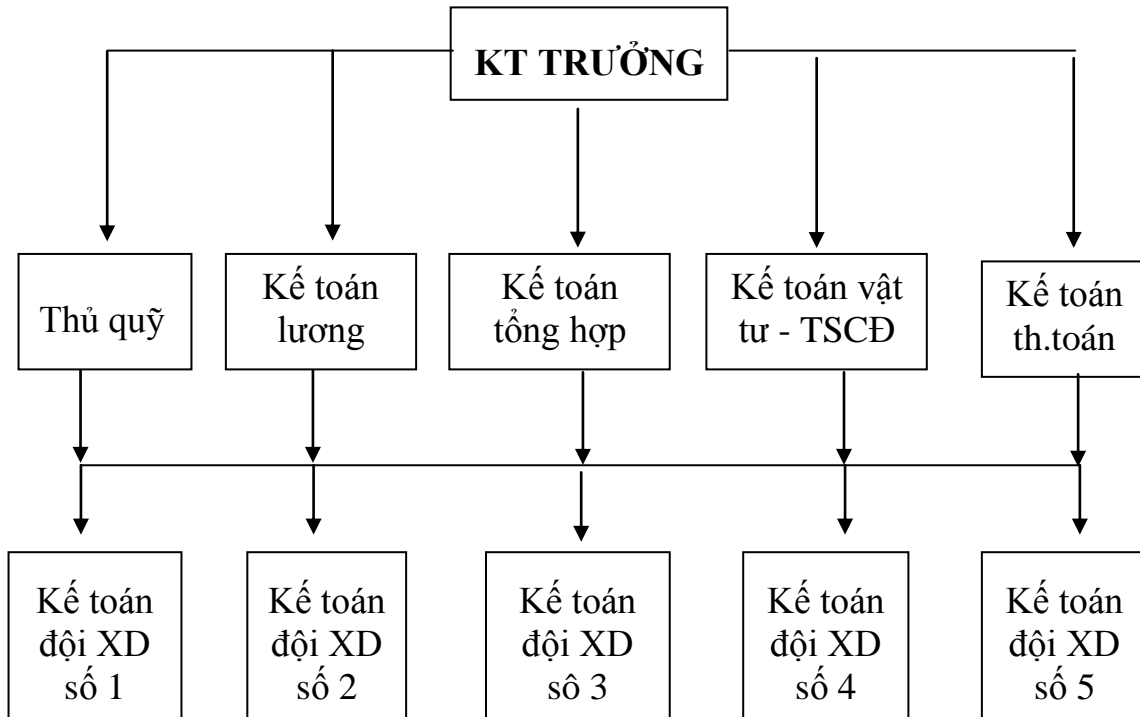
Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung, toàn bộ công việc kế toán được tổ chức và thực hiện tại phòng kế toán. Các nhân viên có nhiệm vụ thu thập số liệu và gửi về phòng kế toán của công ty. Từ đó các thông tin được xử lý bằng hệ thống máy tính hiện đại phục vụ kịp thời cho yêu cầu của cấp trên và các bên có liên quan.

Bộ máy kế toán có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc những vấn đề liên quan đến tài chính, hạch toán kế toán của xí nghiệp, quản lý kiểm soát các thủ tục thanh toán, đề ra các biện pháp giúp xí nghiệp thực hiện các chỉ tiêu tài chính, định biên nhân sự trong ban nhân sự.

Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình sử dụng tài sản đầu tư, tiền vốn và phân tích đánh giá hoạt động tài chính trong hoạt động sản xuất cũng như tiêu thụ

Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, toàn diện mọi mặt hoạt động của xí nghiệp, cung cấp số liệu cho các hoạt động của các ban nghiệp vụ liên quan.

Sơ đồ 2-2: Sơ đồ tổ chức kế toán ở xí nghiệp 359



• **Kế toán trưởng:** là người chỉ đạo chung mọi hoạt động tài chính của xí nghiệp, đưa ra các phương pháp quản lý tài chính sao cho các phương pháp hiệu quả, giảm chi phí, tăng năng suất, lợi nhuận cao.

• **Kế toán tổng hợp:** nhiệm vụ theo dõi chung tổng hợp mọi chứng từ hoá đơn của các bộ phận đưa sang để tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm trong tháng và xác định kết quả lãi, lỗ hàng tháng xí nghiệp.

• **Kế toán thanh toán:** hàng ngày theo dõi viết phiếu thu chi tiền mặt, tiền nhập hàng và thanh toán khách hàng. Cuối tháng tập hợp chứng từ thu chi tổng hợp đưa sang kế toán tổng hợp.

• **Kế toán vật tư - TSCĐ:** theo dõi xuất nhập vật tư hàng ngày phục vụ sản xuất. cuối tháng tập hợp tổng hợp vật tư trong tháng phân bổ vào giá thành sản phẩm. Và theo dõi tình hình biến động tăng, giảm của các TSCĐ tại xí nghiệp, cuối tháng tính khấu hao của các loại TSCĐ đó 1 cách hợp lý và chính xác.

• **Thủ quỹ:** theo dõi thu chi tiền mặt hàng ngày của xí nghiệp.

- **Kế toán tiền lương:** hàng ngày theo dõi chấm công, phân xưởng, các bộ công nhân viên. Theo dõi sản phẩm nhập hàng ngày. Cuối tháng căn cứ vào sản phẩm thực tế nhập kho tính lương theo định mức của xây dựng, tính lương cho từng bộ phận. tập hợp tiền phân bổ vào giá thành hàng tháng.

- **Kế toán các đội xây dựng:** có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi cập nhật các hoá đơn chứng từ, chi phí định mức, chi phí hợp lý của từng công trình, cuối tháng tổng hợp thống kê, lên bảng kê chứng từ đưa lên ban tài chính xí nghiệp để hạch toán.

### **2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán**

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

- Hình thức kế toán áp dụng: Theo hình thức nhật ký chung
- Tổ chức hạch toán kế toán: Hạch toán độc lập
- Chứng từ kế toán: Chứng từ kế toán do phòng tài chính kế toán công ty hạch toán, và được lưu tại phòng tài chính kế toán Công ty
- Nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ thuế
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định giá trị vật tư: Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 của năm, kết thúc vào ngày 31/12 được chia thành 4 kỳ hạch toán.
- Chế độ báo cáo tài chính: Theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Việt Nam đồng (VNĐ)

## **2.2. Thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH một thành viên 319- Xí nghiệp 359.**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu của công ty**

Doanh thu của xí nghiệp có được từ: sản xuất vật liệu xây dựng như gạch ngói đất nung, kinh doanh dầu Diesel; đại lý kinh doanh vận tải, vật tư, vật liệu xây dựng...; cho thuê kho bãi; xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp- giao thông thuỷ lợi...

- Doanh thu từ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, chủ yếu là gạch ngói đất nung. Hàng năm sản lượng tiêu thụ các mặt hàng này khá lớn. Bởi vậy, doanh thu từ mảng kinh doanh này chiếm một tỷ trọng cao, đem lại cho công ty một khoản lợi nhuận đáng kể.

- Doanh thu dịch vụ kho bãi: Các hoạt động kinh doanh bao gồm cho thuê bến bãi, nhà kho chứa hàng hoá; dịch vụ gửi xe. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh này chiếm khoảng 15% tổng doanh thu của công ty. Mặc dù chiếm tỷ trọng không nhiều nhưng đây là một trong những mảng doanh thu chính của công ty.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Mảng kinh doanh này bao gồm các hoạt động cho thuê máy công trình; dịch vụ thi công xây dựng công trình....Doanh thu từ mảng kinh doanh này chỉ chiếm khoảng 35% tổng doanh thu của công ty, nhưng đây lại là mảng hoạt động kinh doanh lớn của công ty. Hàng năm lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất.

#### **2.2.1.2. Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng**

✓ *Tài khoản sử dụng:* Để thuận tiện cho công tác hạch toán và yêu cầu quản lý, kế toán đã theo dõi và ghi chép các loại doanh thu trên các tài khoản chi tiết như sau:

\* TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ TK 5111 – Doanh thu hoạt động sản xuất

+ TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

\* TK 131 – Phải thu khách hàng.

\* TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra phải nộp.

Các TK khác có liên quan: 111, 112, ...



✓ *Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn bán hàng thông thường, Hoá đơn GTGT.
- Phiếu xuất
- Hợp đồng mua bán hàng hoá
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Chứng từ khác có liên quan ( nếu có).

✓ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ chi tiết bán hàng.
- Sổ chi tiết tài khoản ( 511, 131, 3331,...).
- Sổ Nhật lý chung.
- Sổ cái tài khoản ( 511, 131, 3331,...).
- Các sổ sách có liên quan (nếu có).

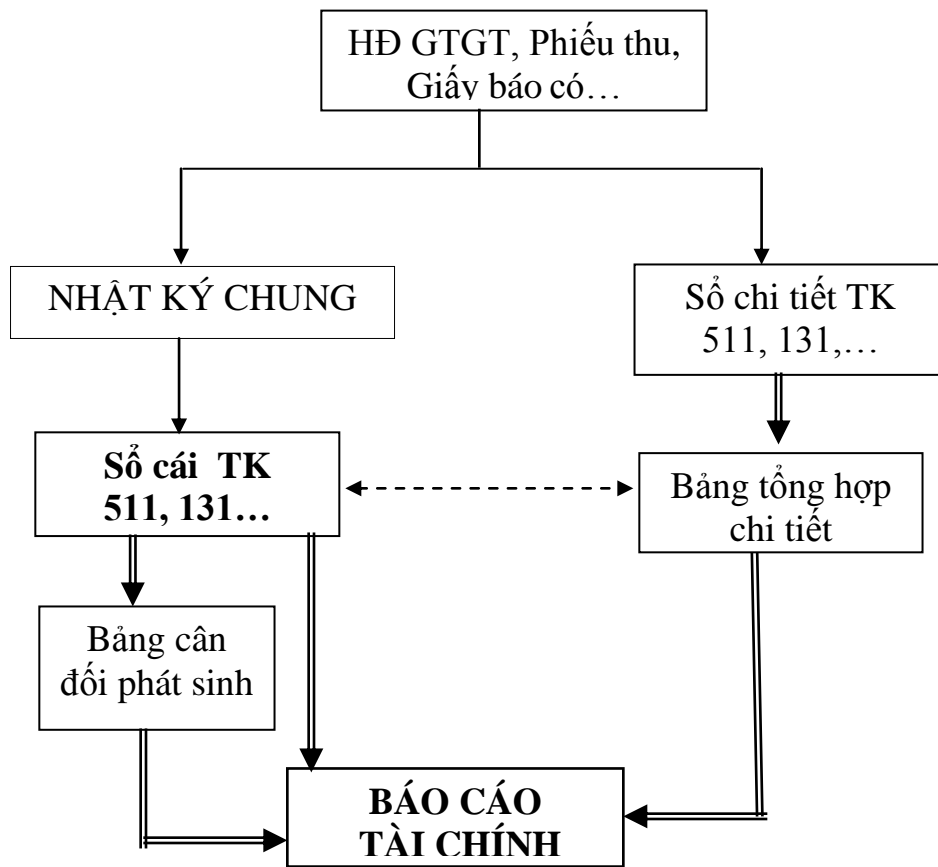
Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

**Liên 1:** (Màu tím) Liên gốc lưu tại quyền hoá đơn

**Liên 2:** (Màu đỏ) Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.

**Liên 3:** (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.

**Sở đồ 2.4 : Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm, )
- ← - - - → Đối chiếu, kiểm tra

**Cụ thể: Trong tháng 12/2010 có các nghiệp vụ phát sinh:**

(1) Hoá đơn GTGT số 32825 ngày 7/12/2010, xuất kho gạch chỉ E10 bán cho Công ty CP Hoàng An, thu bằng tiền mặt. Từ HD GTGT ( biểu số 2.1) , kế toán viết phiếu xuất kho, phiếu thu ( biểu số 2.2)

Từ các thông tin kinh tế kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung ( biểu số 2.6), Sổ chi tiết TK5111 ( biểu số 2.3) , Sổ cái TK 511( biểu số 2.7) và các sổ liên quan.

**Biểu số 2.1:**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT -3LL															
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			NG/2007B															
Liên 3: Nội bộ			0032825															
Ngày 7 tháng 12 năm 2010																		
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH 319- Xí nghiệp 359 .....																		
Địa chỉ: 42 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng.....																		
Số tài khoản: .....																		
Điện thoại:.....MS:																		
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> </tr> </table>						0	2	0	0	6	4	4	9	5	7	+	+	+
0	2	0	0	6	4	4	9	5	7	+	+	+						
Họ tên người mua hàng: .....																		
Tên đơn vị: Công ty CP Hoàng An .....																		
Địa chỉ: Đông Hải - Hải An - Hải Phòng .....																		
Số tài khoản:																		
Hình thức thanh toán: TM.....MS:																		
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> </tr> </table>						0	2	0	0	6	6	3	9	4	2	+	+	+
0	2	0	0	6	6	3	9	4	2	+	+	+						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3=1x2													
1	Gạch chỉ E10	Viên	14.800	1000	14.800.000													
<b>Cộng tiền hàng:</b>				<b>14.800.000</b>														
<b>Thuế GTGT: 10 %</b>		<b>Tiền thuế GTGT:</b>		<b>1.480.000</b>														
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>				<b>16.280.000</b>														
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.																		
Người mua hàng (ký, họ tên)		Người bán hàng (ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)														

**Biểu số 2.3:**

CTy TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Số 42 Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số: 01 –TT  
Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC

## PHIẾU THU

Số : 09

Ngày 7 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 111 : 16.280.000

Có TK 3331 : 1.480.000

Có TK 511 : 14.800.000

Người nộp tiền: Nguyễn Thị Huế.....

Địa chỉ: Công ty CP Hoàng An.....

Lý do nộp: Thu tiền bán gạch chỉ E10.....

Số tiền: 16.280.000 ..... (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ 32825..... Chứng từ gốc.

Ngày 7 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên,  
đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người nộp tiền**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận**  
(Ký, họ tên)

### Biểu số 2.2. Phiếu Thu số 09

**Biểu số 2.3: (Trích)**

CÔNG TY TNHH 319- XÍ NGHIỆP 359

**SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản : 5111 – Doanh thu bán hàng hoá

Đối tượng: Gạch chỉ E10

Tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
7/12/2010	PT09	7/12/2010	Thu tiền của Cty CP Hoàng An	111		14.800.000	
9/12/2010	PT10	9/12/2010	Thu tiền của Cy TNHH Đại Lộc	131		93.033.700	
.....	.....	.....	.....		.....	.....	
23/12/2010	PT47	23/12/2010	Thu tiền của Cty CP Xuân Hoà	131		61.904.762	
.....	.....	.....	.....		.....	.....	
<b>Cộng PS</b>							
<b>Số dư cuối kỳ</b>							

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(2) Hoá đơn GTGT số 32827 ngày 10/12/2010, quyết toán với Công ty TNHH Tân Minh phí lưu kho hàng hoá. Tổng tiền thanh toán 7,293,000đ ( thuế GTGT 10%). Công ty chưa thanh toán.

**Biểu số 2.4:**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01/GTKT - 3LL															
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		NG/2007B															
Liên 3: Nội bộ		0032827															
Ngày 10 tháng 12 năm 2010																	
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH một thành viên 319- Xí nghiệp 359 .....																	
Địa chỉ: 42, Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng .....																	
Số tài khoản: .....																	
Điện thoại: .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>4</td><td>4</td><td>9</td><td>5</td><td>7</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	2	0	0	6	4	4	9	5	7				
0	2	0	0	6	4	4	9	5	7								
Họ tên người mua hàng: .....																	
Tên đơn vị: Cty TNHH Tân Minh .....																	
Địa chỉ: Số 27, Trần Tất Văn, Kiến An, HP .....																	
Số tài khoản: .....																	
Hình thức thanh toán: TM,CK .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>9</td><td>1</td><td>4</td><td>5</td><td>2</td><td>9</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	1	0	0	9	1	4	5	2	9				
0	1	0	0	9	1	4	5	2	9								
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Phí lưu kho				6,630,000												
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>6,630,000</b>												
Thuế GTGT: 5 %		<b>Tiền thuế GTGT:</b>		<b>663,000</b>													
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>7,293,000</b>												
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu hai trăm chín mươi ba ngàn đồng /.																	
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)													
		Bùi Thị Thi		Nguyễn Đình Chung													

Tương tự như phần hạch toán doanh thu bán hàng, từ Hoá đơn GTGT kê toán vào **Sổ nhật ký chung ( biểu số 2.6), Sổ chi tiết doanh thu dịch vụ kho bãi ( biểu số 2.5) , Sổ Cái TK 511 ( biểu số 2.7)** và các sổ liên quan.

**Biểu số 2.5: (Trích)**

CTY TNHH 319- Xí nghiệp 359

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**  
**Tài khoản: 5113 – Doanh thu dịch vụ kho bãi**  
 Tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính : VND*

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đư	SỐ TIỀN	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
...	...	....	.....	....	.....	.....
10/12/2010	32827	10/12/2010	Thu tiền phí lưu kho Cty TNHH Tân Minh	131		6,630,000
25/12/2010	32834	25/12/2010	Thu tiền phí lưu kho Cty TNHH Minh Thành	111		126,497,857
29/12/2010	32844	29/12/2010	Thu tiền phí lưu kho Cty CP Gia Cát	111		11,617,000
...	...	....	.....	....	.....	.....
<b>Cộng PS</b>						
<b>Số dư cuối kỳ</b>						

*Ngày.... Tháng .... năm....*

**Người lập biểu**  
 ( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.6: ( Trích )**

Cty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Số 42 Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số S03a- DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
			Tháng 12/2010				
			.....				
7/12/2010	PT09	7/12/2010	Thu tiền gạch Cty Hoàng An theo HD 32825		5111		14.800.000
					3331		1.480.000
				111		16.280.000	
7/12/2010	PX11	7/12/2010	Xuất bán cho Cty Hoàng An theo HD 32825	632		11.400.000	
					156		11.400.000
9/12/2010	PT10	9/12/2010	Thu tiền gạch Cty TNHH Đại Lộc		5111		93.033.700
					3331		4.651.685
				131		97.685.385	
9/12/2010	PX12	9/12/2010	Xuất bán cho Cty TNHH Đại Lộc	632		254.141.196	
					156		254.141.196
			.....				
23/12/2010	PT47	23/12/2010	Thu tiền gạch Cty CP Xuân Hoà		5111		61,904,762
					3331		6.190.476
				131		68.095.238	
			.....				
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>4.696.627.975</b>	<b>4.696.627.975</b>

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...  
Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.7: ( Trích)**

Cty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Số 42 Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số S03b- DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2010

511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*Đơn vị tính : VND*

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng 12</b>			
			<b>Số phát sinh trong tháng</b>			
			.....			
7/12/2010	PT09	7/12/2010	Thu tiền gạch chỉ E10 Cty CP Hoàng An	111		14.800.000
9/12/2010	PT10	9/12/2010	Thu tiền gạch chỉ E10 Cty TNHH Đại Lộc	131		93,033,700
10/12/2010	32827	10/12/2010	Phải thu tiền phí lưu kho Cty TNHH Tân Minh	131		6,630,000
....	....	.....	.....	.....	.....	.....
23/12/2010	32832	23/12/2010	Phải thu tiền gạch E10 Cty CP Xuân Hoà	131		61,904,762
....	....	.....	.....	.....	.....	.....
25/12/2010	PT47	25/12/2010	Thu tiền phí lưu kho Cty TNHH Minh Thành	111		126,496,857
29/12/2010	32844	29/12/2010	Thu tiền phí lưu kho Cty CP Gia Cát	111		11,617,000
31/12/2010	PKT12	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu	911	467.920.307	.....
<b>Cộng phát sinh tháng 12</b>					<b>467.920.307</b>	<b>467.920.307</b>
<b>Số dư cuối tháng</b>						

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

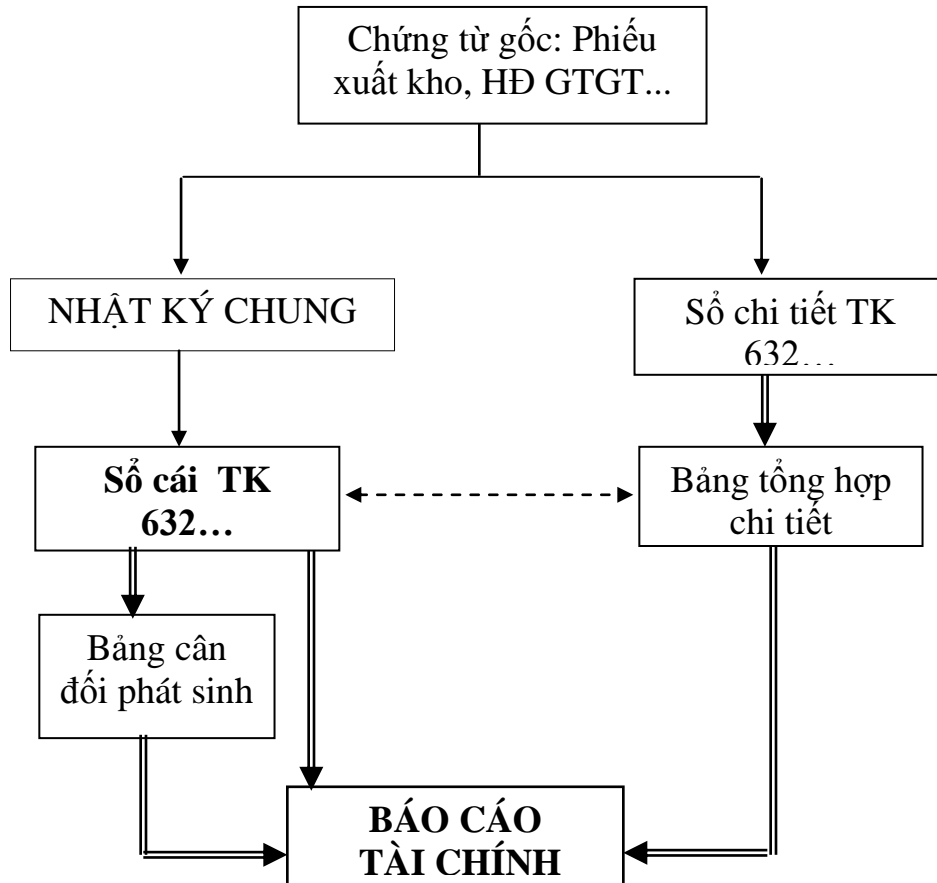
*Ngày...tháng...năm2010*

Giám đốc

### 2.2.2. Hạch toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng bán trong kỳ tại Công ty được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán, công ty sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

**Sơ đồ 2.3 : Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm, )
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Cụ thể: Ngày 15/12/2010 Xí nghiệp bán cho Công ty CP Việt Úc 18.500 viên gạch E10, trị giá 850 đ/viên, công ty chưa thanh toán.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 15.725.000

Có TK 156: 15.725.000

Nợ TK 131: 20.350.000

Có TK 3331: 1.850.000

Có TK 5111: 18.500.000

Kế toán :

- Căn cứ vào HĐ GTGT để viết phiếu xuất kho ( biểu số 2.8 )
- Vào Sổ nhập ký chung ( biểu số 2.9 ), sổ chi tiết các TK ( biểu số 2.10)
- Vào sổ cái TK 632 ( biểu số 2.11),...

Do điều kiện có hạn nên em xin trích số liệu trên các sổ kế toán chính về hạch toán giá vốn hàng bán của công ty như sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632 làm ví dụ.



Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Lê Duẩn- Kiên An- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
.....	.....	.....	.....		.....	.....
3/12/2010	PX 27	3/12/2010	Xuất gạch E5 bán cho Cty TNHH Đại Lộc	632	22,271,020	
				156		22,271,020
3/12/2010	HĐ33515	30/12/2010	Doanh thu bán gạch E5 cho Cty TNHH Đại Lộc	131	28.532.019	
				5111		25,938,199
				3331		2,593,820
.....	.....	.....	.....		.....	.....
15/12/2010	PX69	15/12/2010	Giá vốn bán gạch E10 cho Cty CP Việt Úc	632	15.725.000	
				156		15.725.000
15/12/2010	HĐ44186	15/12/2010	Doanh thu bán gạch E10 cho Cty CP Việt Úc	111	20.350.000	
				511		18.500.000
				3331		1.850.000
.....	.....	.....	.....		.....	.....
29/12/2010	PX80	29/12/2010	Giá vốn E5 cho Cty TNHH Anh Minh	632	15,000,000	
				156		15,000,000
.....	.....	.....	.....		.....	.....
			<b>Cộng</b>		<b>216,287,439,706</b>	<b>216,287,439,706</b>

Người ghi số

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc

**Biểu số 2.9. Nhật ký chung**

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
 Số 42, Lê Duẩn, Kiến An, HP

### SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 6321- Giá vốn hàng bán

Tên sản phẩm ( hàng hoá, dịch vụ): Gạch chỉ E10

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đư	Giá vốn hàng bán			
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			.....					
4/12/2010	PX29	4/12/2010	Xuất bán cho Cty TNHH Đại Phát	156	42.000	800	42.000.000	
7/12/2010	PT09	7/12/2010	Xuất bán cho Cty CP Hoàng An	156	14.800	820	12.136.000	
			.....					
15/12/2010	PX69	15/12/2010	Xuất bán cho Cty CP Việt Úc	156	14.500	850	15.725.000	
16/12/2010	PX70	16/12/2010	Xuất bán cho Cty CP Vạn Lợi	156	25.000	820	20.500.000	
			.....					
31/12/2010	PKT12	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn	911				98.480.000
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>98.480.000</b>	<b>98.480.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
 ( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 ( Ký, họ tên)

Giám đốc  
 ( Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.10. Sổ chi tiết giá vốn hàng bán**

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số: 02-VT  
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đ/ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b>Số dư đầu tháng</b>				
			<b>Số phát sinh tháng</b>				
1/12/2010	PX17	1/12/2010	Giá vốn hàng bán	156	81,789,754		
1/12/2010	PX24	2/12/2010	Giá vốn hàng bán	156	56,784,245		
			.....				
31/12/2010	PX97	31/12/2010	Giá vốn hàng bán	156	21,587,463		
31/12/2010	PKT12	31/12/2010	K/C Giá vốn	911		198,356,183	
			<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>198,356,183</b>	<b>198,356,183</b>	
			<b>Số dư cuối tháng</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi số  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.11. Sổ Cái TK 632**

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số: 02-VT  
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước  
Số hiệu: TK 333

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu tháng		108.327.062	934.643.882	
			Số phát sinh tháng				
			.....				
14/12/2010	PKT15	14/12/2010	Thanh toán theo khối lượng công trình	112		54.545.455	
15/12/2010	PKT16	15/12/2010	Thuế GTGT phải nộp	131		1.850.000	
			.....				
31/12/2010	PKT32	31/12/2010	Thuế TNDN phải nộp	821		121.887.382	
			.....				
			Cộng phát sinh tháng		1.602.767.976	1.344.655.358	
			Số dư cuối tháng			577.204.202	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

### Biểu số 2.12. Sổ Cái TK 333



### **2.2.3. Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### **2.2.3.1. Hạch toán chi phí bán hàng trong công ty.**

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm: Chi phí nhân công, chi phí vận chuyển,...

- Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí bán hàng Công ty sử dụng tài khoản:

TK 641- Chi phí bán hàng. Được chi tiết thành các tiểu khoản như sau:

- +TK 6411- Chi phí nhân viên
- + TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác
- Sổ kế toán sử dụng:
  - + Nhật ký chung
  - + Sổ cái TK 641
  - + Các sổ chi tiết có liên quan

Cuối kì kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

#### **2.2.3.2. Hạch toán chi phí quản lý công ty:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp ( tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện, nước, fax, cháy, nổ,...), chi phí bằng tiền khác ( chi phí tiếp khách , hội nghị khách hàng,...)

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty sử dụng tài khoản 642

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí văn phòng phẩm
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Sổ sách kế toán sử dụng: Đề hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán căn cứ vào:

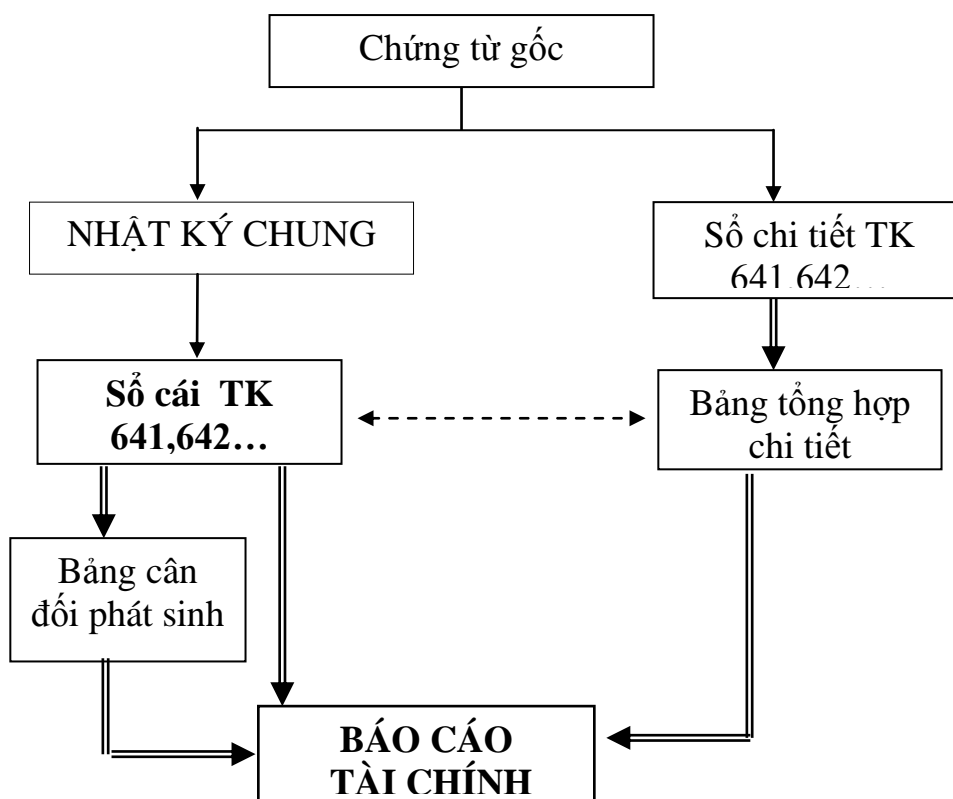
- + Bảng phân bổ tiền lương
- + Bảng trích khấu hao TSCĐ
- + Phiếu chi về dịch vụ mua ngoài (điện, nước,...)
- + Các chi phí bằng tiền khác...

Các sổ sách, chứng từ sử dụng:

- + Phiếu chi
- + Nhật ký chung
- + Bảng phân bổ tiền lương
- + Sổ cái TK 642
- + Bảng tính khấu hao TSCĐ
- + Các sổ chi tiết có liên quan

Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

**Sơ đồ 2.4 : Quy trình ghi sổ kế toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm, )
- ← - - - → Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 1:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty thanh toán :

- + Tiền cước phí điện thoại cho bộ phận bán hàng tháng 12: 2.290.400 (đồng)
- + Tiền bốc vác hàng ngày: 864.000 (đồng)

Căn cứ vào hoá đơn tiền điện, Bảng thanh toán tiền bốc vác. Kế toán lập:

- + Phiếu chi ( biểu số 2.13)

- + Nhật ký chung ( biểu số 2.15 )
- + Sổ cái TK 641 ( biểu số 2.16 )

**Ví dụ 2:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty thanh toán

- + Tiền cước phí điện thoại cho bộ phận quản lý tháng 12:1.322.713 (đồng)
- + Tiền mua văn phòng phẩm: 235.487 (đồng)

Căn cứ vào hoá đơn tiền điện, hoá đơn mua hàng. Kế toán lập:

- + Phiếu chi ( biểu số 2.14 )
- + Nhật ký chung ( biểu số 2.15 )
- + Sổ cái TK 642 ( biểu số 2.17 )

Đơn vị: Xí nghiệp 359  
Địa chỉ: Lê Duẩn- P.Bắc Sơn

Mẫu số 01- TT  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng- BTC

**PHIẾU CHI**

Ngày 26 tháng 12 năm 2010

Quyển số:  
Số: 88  
Nợ 641: 3.154.400  
133: 315.440  
Có 111: 3.469.840

Họ và tên: Phạm Thị Loan

Địa chỉ: Cty TNHH Minh Thái

Lý do nộp tiền: Trả tiền điện thoại + Tiền bốc vác

Số tiền: 3.469.840

Viết bằng chữ : Ba triệu bốn trăm sáu chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng chẵn.

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 26 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền  
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.13.Phiếu Chi số 88**

Đơn vị: Xí nghiệp 359  
Địa chỉ: Lê Duẩn- P.Bắc Sơn

Mẫu số 01- TT  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng- BTC

## **PHIẾU CHI**

Ngày 26 tháng 12 năm 2010

Quyển số:

Số: 89

Nợ 642: 1.558.200

133: 155.820

Có 111: 1.714.020

Họ và tên: Phạm Thị Loan

Địa chỉ: Cty TNHH Minh Thái

Lý do nộp tiền: Trả tiền điện thoại + Văn phòng phẩm

Số tiền: 1.714.020

Viết bằng chữ : Một triệu bảy trăm mười bốn nghìn không trăm hai mươi đồng chẵn.

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 26 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền  
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.14. Phiếu Chi số 89**

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
 Lê Duẩn- Kiên An- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
.....	.....	.....	.....		.....	.....
3/12/2010	PX 27	3/12/2010	Xuất gạch E5 bán cho Cty TNHH Đại Lộc	632	22,271,020	
				156		22,271,020
3/12/2010	HĐ33515	30/12/2010	Doanh thu bán gạch E5 cho Cty TNHH Đại Lộc	131	28.532.019	
				5111		25,938,199
				3331		2,593,820
.....	.....	.....	.....		.....	.....
31/12/2010	PC88	31/12/2010	Trả tiền điện thoại và tiền bốc vác	641	3.154.400	
				133	315.440	
				111		3.469.840
31/12/2010	PC89	31/12/2010	Trả tiền điện thoại và văn phòng phẩm	642	1.558.200	
				133	155.820	
				111		1.714.020
.....	.....	.....	.....			
31/12/2010	PX80	31/12/2010	Giá vốn E5 cho Cty TNHH Anh Minh	632	15,000,000	
				156		15,000,000
.....	.....	.....	.....		.....	.....
			<b>Cộng</b>		<b>216,287,439,706</b>	<b>216,287,439,706</b>

Người ghi số

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

**Biểu số 2.15. Nhật ký chung**

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số: 02-VT  
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: TK 641

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đư	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			<b>Số dư đầu tháng</b>		-	-	
			<b>Số phát sinh tháng</b>				
8/12/2010	PC26	8/12/2010	Trả tiền bốc vác hàng	111	941,500		
9/12/2010	PC31	9/12/2010	Trả tiền bốc vác hàng	111	1,302,500		
			...	...	...		
31/12/2010	PC 78	31/12/2010	Trả tiền ĐT+ Bốc vác	111	4,235,875		
31/12/2010	PC100	31/12/2010	K/C chi phí bán hàng	911		71,927,695	
			<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>71,927,695</b>	<b>71,927,695</b>	
			<b>Số dư cuối tháng</b>		-	-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.16. Sổ Cái TK 641**

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số: 02-VT  
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK 642

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đư	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b>Số dư đầu tháng</b>		-	-	
			<b>Số phát sinh tháng</b>				
			.....				
31/12/2010	PC79	31/12/2010	Trả tiền ĐT + VPP	111	1,714,043		
31/12/2010	PC99	31/12/2010	K/C chi phí QLDN	911		60.456.112	
			<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>60.456.112</b>	<b>60.456.112</b>	
			<b>Số dư cuối tháng</b>		-	-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.17. Sổ Cái TK 642**



## 2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

### 2.2.4.1. Đặc điểm

Về hoạt động tài chính, Công ty không có hoạt động tài chính mà nội dung trên tài khoản chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay, và doanh thu tài chính cũng chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

### 2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- TK 515 : Doanh thu tài chính.
- TK 635 : Chi phí tài chính.

### 2.2.4.3. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi,
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 515, TK 635 và các chứng từ khác liên quan (nếu có)

**Cụ thể** là ngày 26/12/2010 công ty nhận được giấy báo có trả lãi tiền gửi ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội số tiền 199.155 đồng.

Ngân hàng TMCP  
Quân đội

**GIAY BAO CO TRA LAI TIEN GUI**  
Ngày 31/12/2010

Mattv: 09

TEN DON VI : CT 319- XÍ NGHIỆP XD

So cif : 0126604

SO TAI KHOAN : 25111.00032.009

Tu ngày	Den ngày	Lai suất	Tiền lai
26/11/2010	31/12/2010	2,4	199 155
<b>Tong cong</b>			<b>199 155</b>

Thanh toan vien

Kiem soat vien

Truong phong

### **Biểu số 2.18. Giấy Báo Có**

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số: 02-VT  
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đư	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b>Số dư đầu tháng</b>				
			<b>Số phát sinh tháng</b>				
26/12/2010	GBC01	26/12/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		199.155	
			.....				
31/12/2010	PKT76	31/12/2010	K/C doanh thu hoạt động tài chính	911	2.490.178		
			<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>2.490.178</b>	<b>2.490.178</b>	
			<b>Số dư cuối tháng</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.19. Sổ Cái TK 515**

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số: 02-VT  
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí tài chính  
Số hiệu: TK 635

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đư	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b>Số dư đầu tháng</b>				
			<b>Số phát sinh tháng</b>				
26/12/2010	PC50	26/12/2010	Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng	111	5,410,000		
			.....				
31/12/2010	PKT76	31/12/2010	K/C chi phí tài chính	911		7.630.000	
			<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>7.630.000</b>	<b>7.630.000</b>	
			<b>Số dư cuối tháng</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.20. Sổ Cái TK 635**

## 2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 2.2.5.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

### 2.2.5.2. Nguyên tắc hạch toán

Sau một kỳ kế toán cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Trên tài khoản 911 cần phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

### 2.2.5.3. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{KQKD} = \text{DTT} - \text{CP} + \text{KQTC} + \text{LN khác}$$

Trong đó: **Chi phí** là chi phí giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

**Kết quả tài chính** : là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính (515) và chi phí tài chính (635).

**Lợi nhuận khác** : Là số chênh lệch giữa thu nhập khác (711) và chi phí khác (811)

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số: 02-VT  
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		Ghi chú	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có		
<b>Số dư đầu tháng</b>								
<b>Số phát sinh trong tháng 12</b>								
.....	.....	.....	.....					
31/12/2010	PKT12	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu	511		467.920.307		
31/12/2010	PKT13	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu	515		2.490.178		
31/12/2010	PKT14	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn	632	198.356.183			
31/12/2010	PKT15	31/12/2010	Kết chuyển chi phí tài chính	635	111,267,528			
31/12/2010	PKT16	31/12/2010	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	60.456.112			
31/12/2010	PKT17	31/12/2010	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	71.927.695			
31/12/2010	PKT18	31/12/2010	Kết chuyển thu hoạt động khác	711		50,000,000		
31/12/2010	PKT19	31/12/2010	Kết chuyển chi hoạt động khác	811	38,316,667			
31/12/2010	PKT20	31/12/2010	Kết chuyển lãi T12	421	40.086.300			
<b>Cộng phát sinh tháng 12</b>						<b>520.410.485</b>	<b>981.128.460</b>	
<b>Số dư cuối tháng</b>								

Ngày.....tháng.....năm2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.21. Sổ Cái TK 911

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
 Lê Duẩn, Kiến An, HP

## SỔ CHI TIẾT TK 421

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đư	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng</b>					<b>98.600.000</b>
			<b>Số phát sinh</b>					
31/12/2010	PKT24	31/12/2010	Xác định kết quả sxkd T12	911		690.513.000		789.113.000
31/12/2010	PKT25	31/12/2010	Trích lập các quỹ	411	312.203.000			476.910.000
				414	213.236.200			263.673.800
				415	122.431.500			141.242.300
				431	101.156.000			40.086.300
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>749.026.700</b>	<b>690.513.000</b>		
			<b>Số dư cuối tháng</b>					<b>40.086.300</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.22. Sổ Cái TK 421**

Công ty TNHH 319- Xí nghiệp 359  
 Lê Duẩn, Kiến An, HP

Mẫu số B02-DN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.904.686.378	2.468.953.258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.904.686.378	2.468.953.258
4. Giá vốn hàng bán	11		198.356.183	124.452.203
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20		2.706.330.195	2.344.501.055
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		32.650.300	23.328.442
7. Chi phí tài chính	22		806.955.735	1.076.160.730
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		806.955.735	1.076.160.730
8. Chi phí bán hàng	24		71.927.695	81.260.955
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.984.349	61.572.602
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 +(21 - 22) -(24+25)	30		1.831.112.716	1.148.835.210
11. Thu nhập khác	31		95.489.123	79.453.620
12. Chi phí khác	32		115.128.560	103.430.119
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		(19.639.437)	(23.976.499)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.811.473.279	1.124.858.711
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		518.210.603	314.960.439
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		1.293.262.676	809.898.272
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 319- XÍ NGHIỆP 359.**

### **3.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả của công ty.**

#### **3.1.1. Kết quả đạt được.**

##### **3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.**

- Là một Chi nhánh có qui mô nhỏ, chủ yếu hoạt động kinh doanh thương mại, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

- Về nhân sự, bộ phận kế toán có bốn người gồm một kế toán trưởng và ba kế toán viên có bề dày kinh nghiệm, vững vàng kiến thức chuyên môn (trình độ đều từ đại học trở lên) giúp cho công tác kế toán tại Chi nhánh đạt hiệu quả cao.

##### **3.2.1.2. Về tổ chức hệ thống sổ kế toán.**

Chi nhánh áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ.

Đồng thời Chi nhánh sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ chi tiết cho đến tổng hợp như:

- Sổ chi tiết doanh thu theo dõi riêng biệt cho từng loại doanh thu như doanh thu bán hàng hoá, doanh thu cung cấp dịch vụ. Trong từng loại doanh thu thì lại được chi tiết theo từng mặt hàng, dịch vụ như doanh thu bán hàng gạch, doanh thu lưu kho bãi, doanh thu xây dựng công trình...giúp Chi nhánh thấy được những mặt hàng, dịch vụ có số lượng tiêu thụ nhiều, mang lại doanh thu lớn cho Chi nhánh. Từ đó, các nhà quản trị sẽ đưa ra quyết định nên lựa chọn mặt hàng, dịch vụ nào làm mặt hàng, dịch vụ chiến lược.

- Tương ứng với các sổ chi tiết doanh thu là các sổ chi tiết về giá vốn, sổ chi tiết của các loại chi phí liên quan đều được theo dõi riêng biệt.



- Ngoài ra, kế toán còn mở các sổ chi tiết khác như sổ chi tiết hàng hoá cho từng mặt hàng, giúp theo dõi cụ thể từng danh mục hàng hoá mua vào, bán ra của Chi nhánh, sổ chi tiết công nợ cho từng đối tượng khách hàng giúp theo dõi việc thanh toán, chi trả của khách hàng trở nên dễ dàng, thuận tiện hơn. Đồng thời giúp ban quản trị Chi nhánh thấy được tình hình bị chiếm dụng vốn của Chi nhánh để có các chính sách thu hồi công nợ hợp lý.

Các bảng tổng hợp và sổ Cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ, khoa học đảm bảo được yêu cầu về đối chiếu, kiểm tra từ đó tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

### **3.2.1.3. Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Tổ chức thông tin tại Chi nhánh được thực hiện khá tốt, luôn cập nhật kịp thời, chính xác những thay đổi mới về chế độ, chuẩn mực kế toán trong đó có vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Cụ thể, hiện nay Chi nhánh đang thực hiện công tác kế toán theo đúng những quy định mới nhất trong quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp,...

Chi nhánh đã xây dựng cho mình một hệ thống biểu mẫu chứng từ phù hợp với quy định mới nhất của Bộ Tài chính. Các chứng từ ban đầu này đều được ghi chép theo đúng thời gian và có chữ ký đầy đủ của các bộ phận liên quan, sau khi đã kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ mới được sử dụng để vào sổ kế toán máy. Hệ thống tài khoản kế toán và phương pháp hạch toán cũng được áp dụng phù hợp với quy định mới của Bộ Tài chính.

Việc cập nhật kịp thời cũng như việc áp dụng những quy định mới về chế độ kế toán giúp cho Chi nhánh tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Chi nhánh đảm bảo hạch toán doanh thu chi tiết, đầy đủ, kịp thời. Cụ thể các hóa đơn GTGT được nhập ngay vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ trên tất cả các sổ sách liên quan từ sổ chi tiết cho đến sổ tổng hợp.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được ghi chép đầy đủ, kịp thời. Tuy nhiên, Chi nhánh không tiến hành hạch toán giá vốn đối với dịch vụ. Điều này đem lại nhiều thuận lợi cho quá trình hạch toán giá vốn của Chi nhánh bởi đặc điểm của cung cấp dịch vụ tại đơn vị thường có giá trị không lớn, các loại chi phí trực tiếp liên quan phát sinh không nhiều vì thế không tiến hành tính giá vốn sẽ giảm thiểu được khối lượng công việc.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Chi nhánh tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng vì vậy sẽ luôn đảm bảo được quá trình cung cấp thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh, giúp cho Ban lãnh đạo Chi nhánh ra những quyết định về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

### **3.1.2. Các nhược điểm còn tồn tại trong công ty.**

- Việc bố trí nhân viên kế toán và phân định theo từng công việc cụ thể mang tính chuyên môn hoá cao cũng có ưu và nhược điểm khác nhau. Nếu như các nhân viên đều làm đầy đủ tập chung, liên tục thì hiệu quả làm việc rất cao, nhưng nếu có một nhân viên thuộc bộ phận kế toán nào đó nghỉ làm trong một thời gian dài thì công tác kế toán sẽ gặp khó khăn, bởi phần công việc của nhân viên này sẽ bị gián đoạn vì không còn người thay thế nên buộc nhân viên kế toán ở bộ phận khác phải kiêm thêm công việc này, nhưng do chuyên môn hoá quá lâu nên bản thân họ xử lý công việc chậm hơn ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả chung của công việc, thậm chí còn gây nên những thiếu sót không đáng có. Để khắc phục nhược điểm này Công ty nên có sự trao đổi vị trí của từng nhân viên sau một thời gian làm việc, từ đó có thể phát huy tính sáng tạo của mỗi nhân viên.

- Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

- Việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ là điều kiện không thể thiếu được mang tính pháp lý. Tại Công ty việc này được thực hiện thường xuyên hàng ngày nhưng vẫn có trường hợp hoá đơn luân chuyển đến khâu cuối cùng còn bị thiếu chữ ký của người nhận hàng hoặc chữ ký của thủ trưởng đơn vị

- Chi phí quản lý doanh nghiệp được tập hợp chung trên TK 642 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp mà không được chi tiết theo từng khoản mục, ảnh hưởng đến việc quản lý chi phí. Chi phí này thường khá lớn trong tổng chi phí, do vậy công ty cần chi tiết tài khoản này theo chế độ, đảm bảo việc theo dõi được chặt chẽ, góp phần giảm chi phí gián tiếp cho công ty.

### **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên 319- Xí nghiệp 359.**

#### ➤ Kiến nghị 1:

- Duy trì bảo quản, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị máy móc sẵn có trong sản xuất đồng thời đầu tư mua sắm thay thế máy móc thiết bị phục vụ xây lắp đã cũ.

#### ➤ Kiến nghị 2:

- Hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính dưới các đội xây lắp trước khi chuyển lên phòng tài chính.

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh sao cho gọn nhẹ và hoạt động đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề, đạt trình độ chuyên môn đủ khả năng điều hành máy móc kỹ thuật cao, được tiếp cận với những công nghệ mới trong sản xuất và lĩnh vực xây lắp.

#### ➤ Kiến nghị 3:

- Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đa dạng sản phẩm.

- Mở thêm một dây chuyền sản xuất gạch tại Bình Liêu- Quảng Ninh

- Nâng cao công tác thu hồi vốn.

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm mở rộng thị trường.

- Hoàn thành đúng thời hạn các công trình đang được tiến hành xây dựng, chất lượng công trình đúng theo hợp đồng.

➤ Kiến nghị 4: Thường xuyên theo dõi khả năng thanh toán của những khách hàng có khoản phải thu lớn, căn cứ vào đó đưa ra biện pháp thu hồi nợ đối với từng đối tượng khách hàng. Cụ thể: Cty XD Hoàng Mai là khách hàng lớn và thường xuyên của Xí nghiệp, sản phẩm gạch khi bán cho Cty XD Hoàng Mai được sử dụng là vật tư cho các công trình xây dựng mà Cty XD Hoàng Mai đảm nhận, vì vậy người làm công tác thu hồi nợ cần theo dõi thời gian hoàn thành những công trình này để kịp thời đốc thúc Cty XD Hoàng Mai nhanh chóng trả nợ đúng hạn; Công ty may sông Hồng là khách hàng không thường xuyên của xí nghiệp, mục đích mua sản phẩm gạch là để xây dựng nâng cấp nhà xưởng, chính vì phải đợi Công ty may sông Hồng đi vào hoạt động trở lại mới tiến hành thu hồi nợ được, để công tác thu hồi nợ được thực hiện nhanh chóng thì Xí nghiệp đưa ra chính sách chiết khấu thanh toán cho Công ty may sông Hồng nếu họ thanh toán sớm khoản nợ của mình cho Xí nghiệp; Trong năm 2010 xí nghiệp 359 đã đảm nhiệm xây dựng mở rộng cơ sở vật chất dạy và học tập cho Trường dạy nghề số 3, đây là đơn vị kinh tế thuộc Bộ Quốc Phòng, nên khả năng thanh toán đảm bảo, song Xí nghiệp cần thường xuyên liên hệ, gửi văn bản đốc thúc việc thanh toán nợ theo như đúng trong hợp đồng.

➤ Kiến nghị 5: Khi ký hợp đồng, xí nghiệp nên đưa vào một số ràng buộc trong điều khoản thanh toán hoặc một số ưu đãi nếu khách hàng trả tiền sớm. Có chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, mua nhiều với số lượng lớn. Như vậy vừa giúp khách hàng sớm thanh toán nợ cho xí nghiệp lại vừa là hình thức khuyến mãi giúp giữ chân khách hàng lại với xí nghiệp.

➤ Kiến nghị 6: Việc xí nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, dây chuyền sản xuất gạch tại Bình Liêu- Quảng Ninh đi vào hoạt động sẽ nâng cao tổng sản lượng sản xuất. Xí nghiệp cần đề ra chính sách tiết kiệm trong sản xuất và xây dựng, tận dụng những nguyên vật liệu sẵn có, tìm kiếm những nhà cung cấp nguyên vật liệu với giá rẻ

hơn mà vẫn đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu theo yêu cầu. Máy móc, trang thiết bị phải thường xuyên được sửa chữa và bảo dưỡng kịp thời, cần đầu tư mua sắm thay thế những thiết bị sản xuất đã sử dụng lâu năm, hết thời gian trích khấu hao bằng những loại máy móc hiện đại, như vậy mới đáp ứng được chất lượng của sản phẩm khi cho tăng giờ máy chạy lên và sẽ ít tiêu hao nhiên liệu, tiết kiệm được chi phí sản xuất chung, nhờ đó giá thành sẽ hạ. Đồng thời việc thường xuyên nghiên cứu thị trường, tham khảo nhu cầu của người tiêu dùng để làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu của những khách hàng khó tính nhất cũng sẽ là một cách để tăng doanh thu khi bán được số lượng sản phẩm nhiều hơn do có tính cạnh tranh cao.

➤ Kiến nghị 7: Tuyển thêm nhân viên kế toán. Hiện nay, nhân viên kế toán tổng hợp của công ty ngoài công việc của kế toán tổng hợp còn phụ trách công việc quan hệ, giao dịch với các ngân hàng, làm nghiệp vụ ngân hàng, đi lại thường nhiều, thường xuyên. Do đó, công việc nhiều lúc bị dồn đống, quá tải. Vì vậy, công ty nên tuyển mới, đào tạo một nhân viên kế toán để hỗ trợ, giúp đỡ cho nhân viên kế toán tổng hợp, giúp cho công việc kế toán được nhanh chóng, hiệu quả .

➤ Kiến nghị 8: Hoàn thiện hệ thống quản lý trên máy bằng phần mềm kế toán

Kế toán làm trên máy dùng bảng tính Excell tuy có tiết kiệm thời gian song đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu, gây ra nhiều sai sót không đáng có. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy, phần mềm kế toán sẽ giúp kế toán hạch toán được chính xác, ngoài ra phần mềm tự động tính toán và thực hiện bút toán kết chuyển vừa đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là thu thập, xử lý và cung cấp những thông tin kinh tế - Tài chính giúp các nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra những quyết định quan trọng, kịp thời và chính xác cũng cần phải ngày một hoàn thiện hơn cho phù hợp với xu thế mới của nền kinh tế thị trường.

Vì vậy mỗi doanh nghiệp cần phải chú trọng quan tâm, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình để thích ứng với nền kinh tế thị trường có sức cạnh tranh ngày càng gay gắt. Đó là yếu tố hết sức cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Chi nhánh công ty TNHH một thành viên 319- Xí nghiệp 359, em cũng đã tìm hiểu sâu hơn về thực tế tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Cùng với sự giúp đỡ hết sức tận tình của TS. Nghiêm Thị Thà và các anh chị kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH một thành viên 319- Xí nghiệp 359, em đã hoàn tất luận văn của mình. Qua luận văn bằng sự kết hợp những kiến thức đã học ở trường với thực tế tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty em nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của công tác kế toán này. Em rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô giáo.

*Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2011*

Sinh viên

**Đào Thị Minh Nguyệt**

